Khỏa lấp sự cách biệt:
Xã hội dân sự mới nổi tại Việt Nam

Irene Norlund

Hà Nội, tháng 1 năm 2007

Mục lục

Danh sách từ viết tắt ii

Tóm tắt tổng quan và Khuyến nghị 1

Phần Mở đầu 4

1. Môi trường Chính trị - Xã hội 5

1.1 Tăng cường quản trị điều hành có sự tham gia rộng rãi 5

1.2 Tăng cường các Tổ chức Xã hội Dân sự Việt Nam 6

2. Nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự 7

2.1. Xã hội Dân sự Mới nổi tại Việt Nam 8

3. Bốn bình diện của Xã hội Dân sự - Phân tích của nhóm SAG 10

3.1. Cấu trúc của Xã hội Dân sự 10

3.2. Môi trường cho Xã hội Dân sự 15

3.3. Các giá trị của Xã hội Dân sự 18

3.4. Tác động của Xã hội Dân sự 19

3.5. Hình thoi Xã hội Dân sự 20

4. Kết luận 22

5. Củng cố các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam: Những khuyến nghị về Chính sách đối với Chính phủ, các Nhà tài trợ và Xã hội Dân sự 24

5.1. Quỹ tăng cường năng lực 24

Phụ lục 1. Hội nghị tập huấn về tăng cường năng lực và đẩy mạnh sự tham gia của các NGO vào công cuộc phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam. 27

Phụ lục 2. Các Thành viên của Nhóm Đánh giá các bên liên quan 29

Phụ lục 3. Những Quy chế chính cho các Tổ chức từ 1990 tới 2005 30

Phụ lục 4. Phương pháp luận của CIVICUS 31

Phụ lục 5. Các Tổ chức Xã hội Dân sự tại Việt Nam 32

Phụ lục 6. Tài liệu Tham khảo 34

Danh sách từ viết tắt

CARE	CARE là một Tổ chức Phi Chính phủ Quốc tế
CBO	Tổ chức Cộng đồng
CDP	Kế hoạch Phát triển Xã
CIEM	Viện Quản lý Kinh tế Trung ương
CIVICUS	CIVICUS Liên minh Thế giới vì sự Tham gia của Công dân
CSI	Nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự
CSI-SAT	Nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự- Công cụ Đánh giá Ngắn gọn
CSO	Tổ chức Xã hội Dân sự
FF	Mặt trận Tổ quốc
GDD	Nghị định Dân chủ Cấp cơ sở
INGO	Tổ chức Phi Chính phủ Quốc tế
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MOHA	Bộ Nội vụ
NGO	Các Tổ chức Phi Chính phủ
PACCOM	Ban Điều phối Viện trợ Nhân dân
PAR	Cải cách Hành chính Công
PRA	Đánh giá Nông thôn có sự tham gia
SAG	Nhóm Đánh giá Các bên liên quan
SEDP	Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội
VDP	Kế hoạch Phát triển Thôn bản
VGCL	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
VNGO	Tổ chức Phi Chính Phủ Việt Nam
VUSTA	Liên hiệp các Hiệp hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
VUAL	Hội Văn học và Nghệ thuật Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
WVS	Khảo sát các Giá trị Thế giới

Tóm tắt tổng quan và Khuyến nghị

Các Công trình Nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự đã được CSI tiến hành trên toàn thế giới từ năm 2004 đến 2006 đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu hiện tại của xã hội dân sự tại mấy chục nước. Việc đánh giá được thực hiện theo các phương pháp luận tương tự tại mỗi nước nhằm đánh giá xã hội dân sự ở cấp quốc gia trên cơ sở sự tham gia của Nhóm Đánh giá Các bên liên quan quốc gia (SAG) và tổ công tác quốc gia bao gồm một điều phối viên, các nhà nghiên cứu và một chuyên gia xã hội dân sự quốc tế. Công tác đánh giá dựa trên cơ sở một phương pháp luận chung do CIVICUS xây dựng thông qua việc nghiên cứu rộng rãi tại một số nước thí điểm. CIVICUS là Liên minh Thế giới vì sự Tham gia của Công dân.

Dự án Việt Nam được thực hiện từ tháng 4/2005 đến tháng 3/2006 với sự hỗ trợ của UNDP và SNV tại Việt Nam. Đây là nỗ lực đầu tiên được tiến hành rộng rãi nhằm phác họa xã hội dân sự.

Mục tiêu của CSI bao gồm :

- Tạo ra kiến thức về hiện trạng của xã hội dân sự
- Tạo ra sự hiểu biết được chia sẻ về xã hội dân sự giữa các bên liên quan chủ chốt
- Tăng cường sự hiểu biết về xã hội dân sự và đề cao hơn nữa vai trò của xã hội dân sự
- Thực hiện việc đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của xã hội dân sự và đề ra một số lĩnh vực ưu tiên cho chính sách và hành động.

Tài liệu này mô tả bối cảnh cho dự án tại Việt Nam và tóm tắt phương pháp luận và kết quả của công trình nghiên cứu CSI. Định nghĩa được sử dụng cho xã hội dân sự mang tính rộng rãi, bao trùm và tập trung vào các chức năng hơn là hình thức của các tổ chức tham gia. Các kết qủa chủ yếu được nêu lên và phần kết luận của tài liệu này đưa ra một số kiến nghị làm thế nào để tăng cường sự hỗ trợ cho việc phát triển xã hội dân sự tại Việt Nam.

Công trình nghiên cứu CSI đánh giá bốn bình diện quan trọng của xã hội dân sự nhằm tạo ra một viễn cảnh rộng rãi và rõ ràng về xã hội dân sự. Bốn bình diện đó là: cấu trúc xã hội dân sự, môi trường kinh tế xã hội đối với xã hội dân sự, các giá trị của xã hội dân sự và tác động của các hoạt động do xã hội dân sự mang lại. Tóm lại, Nhóm Đánh giá có sự tham gia của các bên liên quan (SAG) đã đánh giá 74 chỉ số liên quan đến bốn bình diện này.

Nhóm SAG tại Việt Nam đã khởi đầu bằng việc xác định các lực lượng mạnh nhất và có quyền lực nhất trong xã hội và trong xã hội dân sự. Tài liệu này đã vạch ra rằng Đảng cộng sản là lực lượng quan trọng nhất trong xã hội, tiếp theo đó là các cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân và báo chí. Các tổ chức xã hội dân sự được đánh giá là ít có ảnh hưởng hơn. Trong các tổ chức xã hội dân sự, báo chí được coi là lực lượng có ảnh hưởng nhất tiếp đến là các tổ chức quần chúng và khối tri thức.

Bàn trên phương diện kết quả thì dự án đã phát hiện thấy cấu trúc xã hội dân sự tại Việt Nam rất rộng lớn, bao gồm nhiều tổ chức, nhiều hiệp hội và nhiều nhóm. 74% dân số tham gia vào ít nhất là 1 tổ chức. Năm tổ chức quần chúng to lớn có cơ sở hội viên (trên 30 triệu hội viên), nhưng nhóm SAG tỏ ra hoài nghi về chất lượng hội viên của các tổ chức này, bởi vì hội viên của các tổ chức này thì không phải luôn luôn tham gia tự nguyện và các tổ chức này lại gắn kết với Đảng và nhà nước. Tuy nhiên, trong thập niên 90 các tổ chức này đã mở rộng xuống tận cơ sở mà họ có thể có những đóng góp quan trọng thông qua các hoạt động xã hội. Bên cạnh các tổ chức quần chúng còn có nhiều các nhóm khác, các tổ chức chuyên môn, các NGO Việt Nam và các tổ chức tại cơ sở cộng đồng thực hiện các hoạt động liên quan đến y tế, giáo dục, đời sống nhân dân, tôn giáo, văn hóa và thể thao. Hầu hết các tổ chức đã quan tâm đến việc cung cấp dịch vụ cho người nghèo và những người thiệt thòi. Điểm yếu của hình thái xã hội dân sự rộng rãi này là không có các chiến lược cùng với các mạng lưới và các tổ chức bảo trợ yếu kém. Một số tổ chức không có đủ nguồn kinh phí và cần phải phát triển năng lực. Nói tóm lại, cấu trúc của xã hội dân sự được đánh giá là bị hạn chế về sức mạnh.

Việc đánh giá *môi trường kinh tế - xã hội* đối với xã hội dân sự cho thấy sự pha trộn giữa các nhân tố có khả năng xảy ra và các nhân tố kém khả năng xảy ra hơn. Công cuộc giảm nghèo đã tiến triển với tốc độ đặc biệt nhanh trong thập kỷ qua cho thấy con số người nghèo từ mức 2/3 xuống mức 1/4 dân số. Sự ổn định kinh tế và chính trị là tương đối cao, và nhìn chung, mức độ công bằng không thay đổi nhiều. Tuy nhiên, tính theo chuẩn quốc tế, mức thu nhập ở Việt Nam vẫn còn thấp. Những hạn chế trong cạnh tranh chính trị và các quyền lợi cần phải được cải thiện nhiều hơn nữa. Quyền công dân cơ bản và tự do báo chí chưa được thực hiện một cách đầy đủ và luật lệ chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập các tổ chức hoặc cho việc

phát triển công tác từ thiện. Nhóm SAG đánh giá tệ tham nhũng ở mức độ cao. Mặt khác, hiệu quả của nhà nước và phân cấp quản lý được coi là các nhân tố tích cực. Các nhân tố văn hóa xã hội tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hợp tác, có mức độ lòng tin tương đối cao giữa người dân với nhau, nhưng tính khoan dung thì lại hạn chế hơn. Liên quan đến ý thức, được hiểu là giá trị cho thấy người dân đánh giá như thế nào về việc vi phạm quy định công cộng, được đánh giá ở mức trung bình. Những mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự được coi là dưới mức trung bình tính về tính tự quản tự chủ của các tổ chức, việc hợp tác của các tổ chức này với nhà nước và mức độ hỗ trợ mà các tổ chức này nhận được từ nhà nước. Tuy nhiên, các tổ chức quần chúng lại có nhiều đặc quyền hơn các CSO khác. Mối quan hệ với khu vực tư nhân và vai trò trách nhiệm của tập đoàn được đánh giá là ít quan trọng. Kết luận chung là xã hội dân sự tại Việt Nam đang hoạt động trong một môi trường tương đối không thuận lợi lắm.

Việc đánh giá *các giá trị* trong các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức này được thúc đẩy như thế nào trong xã hội cũng chỉ ra các nhân tố có khả năng xảy ra và các nhân tố kém khả năng xảy ra. Giảm nghèo và tính chất phi bạo lực là hai giá trị quan trọng nhất trong các CSO, và tệ tham nhũng được đánh giá thấp hơn nhiều so với trong xã hội nói chung. Bình đẳng giới đang được thúc đẩy trong xã hội, nhưng theo thực tế trong các tổ chức thì người ta cho rằng trên mức trung bình. Cũng như vậy, tính khoan dung ở mức độ trung bình trong nội bộ các tổ chức, song lại được đề cao trong xã hội. Vấn đề khó khăn hơn là tính minh bạch và dân chủ còn ở mức độ thấp trong các tổ chức và các nỗ lực nhằm thúc đẩy các giá trị đó trong xã hội cũng ở mức độ tối thiểu tương ứng. Cuối cùng, các nỗ lực nhằm thúc đẩy sự bền vững về môi trường được đánh giá là rất thấp. Kết luận đưa ra cho thấy xã hội dân sự thực thi và thúc đẩy các giá trị tích cực với mức độ khiêm tốn, trong đó nỗ lực mạnh mẽ cho việc giảm nghèo là nhân tố hàng đầu. Điều này làm cho bình diện các giá trị của xã hội dân sự là mạnh nhất trong bốn bình diện, nhưng vẫn cần được cải thiện nhiều hơn nữa trong các tổ chức.

Tác động của các hoạt động của xã hội dân sự được nhóm SAG đánh giá là có tác động tổng thể ở mức hạn chế, tính về ảnh hưởng tới các chính sách của nhà nước như quyền con người, chính sách xã hội và dự toán ngân sách quốc gia. Xã hội dân sự cũng không có nhiều tác động tới thực hiện trách nhiệm giải trình của khu vực nhà nước và tư nhân. Công việc của xã hội dân sự nhằm thỏa mãn nhu cầu xã hội được đánh giá ở mức trung bình cũng như các đáp ứng của xã hội dân sự đối với các mối quan tâm xã hội, cho dù lòng tin vào các tổ chức là tương đối cao trong lĩnh vực này. Việc trao quyền cho công dân là lĩnh vực mà xã hội dân sự có ảnh hưởng nhiều nhất, đặc biệt thông qua việc tuyên truyền và giáo dục công dân, trao quyền cho phụ nữ và hỗ trợ đời sống của nhân dân. Do đó, phần kết luận đã chỉ ra ảnh hưởng tổng thể lên xã hội nói chung tương đối bị hạn chế. Đặc biệt, việc chấm điểm cho bình diện tác động đạt mức thấp nhất trong bốn bình diện.

Việc diễn tả bằng sơ đồ cho điểm tổng thể 74 chỉ số trong 4 bình diện tạo ra một "hình thoi xã hội dân sự" cho Việt Nam.

Hình thoi xã hội dân sự cho Việt Nam

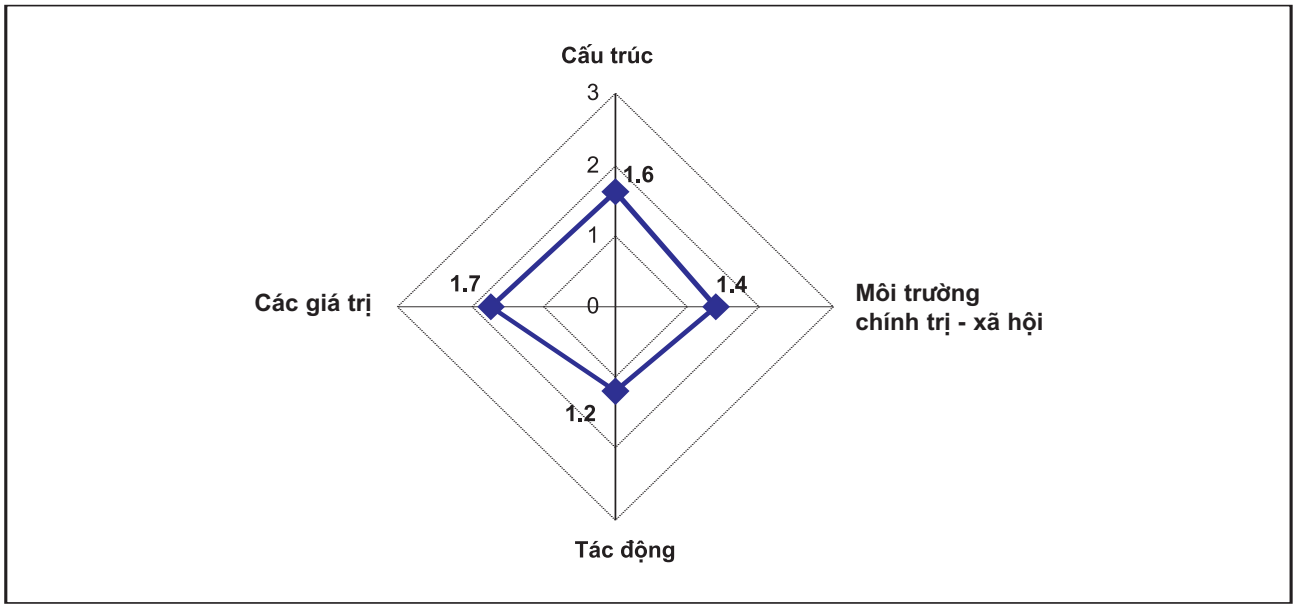

Những khuyến nghị từ công trình nghiên cứu được đề cập một cách chi tiết hơn trong tài liệu này chỉ ra một số lĩnh vực có thể được tăng cường ở Việt Nam để hỗ trợ cho việc phát triển mạnh mẽ hơn nữa hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự. Các lĩnh vực này bao gồm:

1. *Cải thiện môi trường xã hội, luật pháp và kinh tế cho các tổ chức xã hội, các hiệp hội và các phong trào của Việt Nam.*
2. *Tăng cường năng lực trong các tổ chức xã hội Việt Nam.*
3. *Tập trung và tăng cường các mạng lưới có hiệu quả của các tổ chức xã hội.*
4. *Tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân.*
5. *Tăng cường năng lực cho việc thực hiện nghiên cứu và đánh giá các hoạt động của CSO, bao gồm cả nghiên cứu sâu rộng các tổ chức xã hội dân sự.*

Các khuyến nghị đã đưa ra những gợi ý tương đối chi tiết cho chính phủ, các nhà tài trợ và xã hội dân sự. Có một gợi ý là thiết lập một "Quỹ tăng cường năng lực" do các nhà tài trợ và có thể cả khu vực tư nhân hỗ trợ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác và tăng cường các tổ chức và các hoạt động của xã hội dân sự, tăng cường các mạng lưới, và tăng cường tính minh bạch của nguồn tài trợ.

Phần Mở đầu

Thiếu sự hiểu biết đáng kể và có rất ít các phân tích về xã hội dân sự ở Việt Nam. Cho đến nay hầu như chưa diễn ra việc thảo luận công khai của dân chúng về "xã hội dân sự" ở Việt Nam, cho dù trong những năm gần đây thuật ngữ này đã bắt đầu được các học giả, các nhà tài trợ, các nhà hoạt động về phát triển và một số ít quan chức chính phủ sử dụng. Rất ít người hiểu được ý nghĩa của thuật ngữ "xã hội dân sự" và cụm từ này cũng không được đề cập đến trên báo chí hay trong diễn đàn chính thức. Mặc dù vậy, hiện nay ở Việt Nam đang diễn ra các cuộc luận đàm về các hiện tượng và thực tế hoạt động của các hiệp hội; người ta nhận thấy ngày càng có nhiều quan tâm tới các tổ chức ở trong nước với thực tế là con số các tổ chức ngày càng tăng lên trong hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống. Thậm chí nhà nước cũng ngày càng quan tâm hơn tới các tổ chức và làm sao để cho các tổ chức này đóng một vai trò hữu ích hơn trong việc phát triển xã hội và hạn chế tham nhũng. Mặc dù hầu hết mọi người dân cho rằng các tổ chức quần chúng là các tổ chức phổ biến chủ yếu ở Việt Nam, Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội 2006-2010 (SEDP) - chiến lược phát triển của Việt Nam cho thời gian tới do Đại hội Đảng Cộng sản lần thứ 10 tổ chức vào tháng 4/2006 phê duyệt, đã đề cập tới sự tồn tại và khả năng tham gia của các tổ chức khác nhau. Chỉ riêng điều đó thôi cũng là một minh chứng về sự quan tâm của chính phủ và dân chúng đang tăng lên.[1]

Công việc phác họa gần đây về xã hội dân sự cho thấy sự tồn tại một đời sống các hiệp hội đoàn thể rộng lớn hơn nhiều tại Việt Nam so với giả định thông thường. Không còn nghi ngờ gì nữa, một xã hội dân sự - bằng việc mô tả một khối các hiệp hội đoàn thể - đã xuất hiện trong thập kỷ qua, và đã lớn mạnh lên trong những năm gần đây. Đây là kết quả của một số nhân tố, bao gồm cả động lực tăng lên của các cuộc cải cách hành chính, tăng cường thái độ mềm dẻo về chính trị, việc giảm đi phần nào vai trò của nhà nước trong lĩnh vực xã hội và trong sự phát triển hỗ trợ, việc mở rộng các hoạt động của xã hội dân sự trong các lĩnh vực phát triển, các vấn đề xã hội và chủ nghĩa môi trường tại mọi miền của đất nước.

Công trình Nghiên cứu Chỉ số Xã hội dân sự (CSI) đã được thực hiện trong hai năm 2005-06 nhằm đánh giá xã hội dân sự, vạch ra những điểm mạnh và điểm yếu của xã hội dân sự và khởi xướng các cuộc thảo luận tại Việt Nam về thực trạng của xã hội dân sự. Công trình nghiên cứu này dựa trên cơ sở phương pháp luận do CIVICUS xây dựng nên. CIVICUS - một NGO đóng tại Nam Phi chuyên về nghiên cứu và hành động đã hình thành nên một dự án toàn cầu để đánh giá xã hội dân sự tại hơn 50 quốc gia. Ở Việt Nam, dự án này do một điều phối viên quốc gia của Viện Nghiên cứu Phát triển Việt Nam ở Hà Nội đứng đầu, với sự tham gia của một nhóm các nhà nghiên cứu Việt Nam được một chuyên gia xã hội dân sự quốc tế hỗ trợ. Công trình nghiên cứu đã soạn thảo ra một báo cáo gọi là " Xã hội dân sự mới nổi ở Việt Nam: Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự ở Việt Nam" do Irene Norlund, Đặng Ngọc Dinh và một nhóm các nhà nghiên cứu biên soạn.[2] CSI được xây dựng trên một phương pháp luận nghiêm túc với khuôn khổ 74 chỉ số để đánh giá xã hội dân sự. Các chỉ số này được xếp đặt trong 4 bình diện : 1) cấu trúc xã hội dân sự; 2) môi trường kinh tế xã hội đối với xã hội dân sự; 3) các giá trị của xã hội dân sự; và 4) tác động của các hoạt động xã hội dân sự. Mục đích của dự án CIVICUS CSI nói chung là tăng cường sự hiểu biết ngay trong các quốc gia về các xã hội dân sự của các quốc gia này và tạo ra cơ sở cho việc so sánh quốc tế. Công trình nghiên cứu CSI tại Việt Nam là nỗ lực đầu tiên nhằm mô tả xã hội dân sự của Việt Nam một cách toàn diện; tuy nhiên, đây mới chỉ là bước phác họa ban đầu và cần phải được bàn bạc công khai để tăng cường sự hiểu biết của chúng ta về thực tế.

Tài liệu này nhằm nêu lên một số kết quả phát hiện của công trình nghiên cứu CSI một cách ngắn gọn hơn và dễ tiếp cận hơn so với báo cáo chi tiết toàn diện. Tài liệu này cũng nhằm mục đích đóng góp vào cuộc đối thoại chính sách về phát triển xã hội dân sự giữa các cơ quan tài trợ, và giữa các cơ quan tài trợ với Chính phủ Việt Nam. Vấn đề khó khăn ở Việt Nam là định nghĩa về tính chất của xã hội dân sự, các điều kiện tạo thuận lợi hoặc cản trở sự phát triển của xã hội dân sự và hỗ trợ xã hội dân sự như thế nào để có được một vai trò xã hội tích cực hơn trong tương lai.

Tài liệu này được chia thành 5 phần. Phần 1 đưa ra phân tích ngắn gọn về xu thế kinh tế xã hội và chính trị trong thời gian gần đây tại Việt Nam trong bối cảnh xã hội dân sự mới nổi. Phần 2 đề cập đến bố cục của công trình nghiên cứu CSI tại Việt Nam và điểm lại bộ mặt của xã hội dân sự trong thập kỷ 90. Phần 3 đưa ra những phát hiện và kết luận quan trọng từ 4 bình diện của công trình nghiên cứu CSI. Phần 4 đưa ra những kết luận của công trình nghiên cứu CSI. Phần cuối cùng nêu lên những khuyến nghị làm thế nào để tăng cường vai trò các tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam, kể cả việc gợi ý thành lập một "Quỹ tăng cường năng lực".

---

1 Các tổ chức xã hội, các tổ chức quần chúng và các NGOs đã được đề cập và khuyến khích tham gia vào công cuộc phát triển và quản lý kinh tế. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hiệp hội sản xuất và các nhóm người tiêu dùng cũng được thừa nhận có vai trò trong việc đa dạng hóa quản lý kinh tế. SEDP 2006-10, Hà Nội 2006, trang 140.

2 Nhóm nghiên cứu bao gồm Bạch Tân Sinh, Chu Dũng, Đặng Ngọc Quang, Đỗ Bích Diễm, Nguyễn Mạnh Cường, Tăng Thế Cường và Vũ Chi Mai.

1. Môi trường Chính trị - Xã hội

Trong thập niên 90, công cuộc *đổi mới* đã thúc đẩy hầu hết mọi thành phần trong xã hội. Điểm nhấn của nó được đặt vào cải cách kinh tế theo chính sách của chính phủ nhằm phát triển một nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở luật pháp. Cốt lõi của hệ thống chính trị và "tác nhân quyết định mối quan hệ nhà nước-xã hội" là Đảng Cộng sản được khẳng định trong Hiến pháp đầu tiên sau thời kỳ *đổi mới* năm 1992.[3] Hiến pháp này đã thông qua con đường *đổi mới* và nêu lên những đảm bảo đối với các quyền lợi và nghĩa vụ công dân cơ bản và con người.

Kể từ cuối thập kỷ 90, đã có sự tách bạch rõ ràng hơn trách nhiệm giữa Đảng và chính phủ, trong đó Đảng giữ vai trò ít trực tiếp hơn trong công tác quản lý mà chỉ duy trì vai trò "lãnh đạo" toàn diện. Vai trò của Đảng là chỉ đạo cả nhà nước và các tổ chức quần chúng bằng các chương trình, các chiến lược, các chính sách và các văn bản hướng dẫn chính trị; ví dụ điểm này đã được vạch rõ trong một báo cáo tổng kết về vai trò của Đảng trong chính phủ và xã hội.[4] Báo cáo tổng kết này đã chỉ rõ rằng phải xây dựng các động lực nhằm thúc đẩy người dân tham gia vào công tác quản lý nhà nước và các tổ chức quần chúng. Tuy nhiên, các hiệp hội, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ Việt Nam (Việt Nam NGO) và các tổ chức tại cộng đồng (CBOs), đã tạo ra một thách thức to lớn đối với Đảng, bởi vì Đảng không lãnh đạo trực tiếp các tổ chức này.[5]

1.1 Tăng cường quản trị điều hành có sự tham gia rộng rãi

Hành chính công được coi là cấu phần chủ chốt của quản lý nhà nước trong đó Đảng đóng vai trò hạt nhân.[6] Theo đó, cải cách hành chính công (PAR) là một trong những chính sách căn bản có ý nghĩa trực tiếp đối với công tác quản trị điều hành. Từ đầu thập niên 90, nhiệm vụ chính của PAR là thay đổi "cơ chế quan liêu trung ương" mà nó dựa trên nguyên tắc cấp chính quyền thấp hơn phải xin và nhận sự hỗ trợ của các cấp cao hơn được gọi là "cơ chế xin - cho."[7] Cuộc cải cách hành chính đang được thực hiện trong thập kỷ qua, nhưng kết quả đạt được xem ra rất chậm, do tiến trình này phức tạp và bao gồm cả việc thay đổi quyền lực trong công tác hành chính. Vai trò lãnh đạo của Đảng và nhà nước ít tạo điều kiện cho XHDS tác động vào quy trình lập kế hoạch và dự toán ngân sách. Tuy vậy, quy trình phân cấp đã đạt được một số kết quả khả quan, chẳng hạn như việc tăng chi tiêu của chính phủ thông qua cấp địa phương từ 26 phần trăm năm 1992 lên 44 phần trăm vào năm 2004.[8] Phân cấp ở các cấp địa phương được diễn ra chậm hơn.

Một bước khác rất quan trọng đối với việc gia tăng ảnh hưởng của người dân trong chương trình PAR là việc ban hành Nghị định Dân chủ cấp Cơ sở (GDD) năm 1998 (được sửa đổi bổ sung năm 2003) với điểm nhấn vào quyền của người dân "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Tuy nhiên, theo như các nghiên cứu gần đây, vào giữa những năm 2000, GDD vẫn chưa được thực hiện khắp nơi trên toàn quốc.[9] Mối quan tâm của các quận, huyện trong việc thực hiện công tác lập kế hoạch phát triển thôn bản và xã (VDP và CDP) trong những năm gần đây cho thấy dù sao chính phủ sẵn sàng khuyến khích việc gia tăng sự tham gia của các bên, đặc biệt ở các cấp địa phương như làng, xã. Hơn nữa, ngày nay việc tham gia của các bên đã được chấp thuận bằng cách tăng tính hiệu quả của nhiều dự án của chính phủ do các nhà tài trợ đa phương hỗ trợ tài chính, chẳng hạn như xây dựng đường xá và các dự án cở sở hạ tầng khác. Tuy nhiên, vẫn chỉ có rất ít sự tham gia của các bên trong trường hợp các dự án có quy mô lớn khác, như việc xây dựng các đập thủy điện hoặc các dự án về môi trường. Cũng tương tự như vậy, có rất ít sự tham gia của các bên vào các cấp chính quyền cao hơn, như huyện, tỉnh. Vẫn cần phải có thời gian để thể chế hoá việc tham gia của các bên vào công tác quản trị điều hành, và ở mức độ nhất định, cho đến nay các nhà tài trợ vẫn áp đặt điều đó.

---

3 Hiến pháp 1992

4 Ban Nội chính của Đảng, *Báo cáo tổng kết 20 năm "Đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng đối với chính phủ và xã hội"* Hà Nội tháng 8/2004

5 Ibid

6 Chính phủ Việt Nam (2001) *Chiến lược Cải cách Hành chính Công (2001-10).* Hà Nội, trang 6

7 Ibid, trang 2

8 Báo cáo Phát triển Việt Nam (2004) Quản trị. Báo cáo hỗn hợp của các nhà tài trợ tại Hội nghị Nhóm các Nhà tư vấn Việt Nam, Hà Nội, 1-2 tháng 12, trang 79.

9 Pamela McElwee và các cộng sự (2005) *Tăng cường Dân chủ và Đẩy mạnh sự tham rộng rãi ở Việt Nam.* Hà Nội, UNDP (dự thảo). Dự án của Helvetas ở Cao Bằng được trình bày tại Hội thảo "Khoá lấp sự cách biệt giữa chính quyền địa phương ở cấp xã và người dân địa phương". Nhóm Công tác Thiểu số, Hà Nội ngày 25 tháng 4 năm 2006.

1.2 Tăng cường các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam

Trong khi Đảng có xu hướng tách biệt rõ ràng hơn nữa ra khỏi mối quan hệ Đảng và nhà nước, thì nhà nước đang rút ra khỏi một số lĩnh vực để cho phép các sáng kiến của các cá nhân và tư nhân chiếm một vai trò quan trọng hơn.[10] Nhà nước nhận thấy rằng họ không có đủ quỹ hoặc năng lực để xử lý toàn bộ lĩnh vực liên quan đến xã hội. Chính sách này được gọi là "xã hội hoá", bởi vì hiện tại nhà nước muốn đóng một vai trò nhỏ hơn, cho dù chỉ là đối với các dịch vụ xã hội cơ bản. Do vậy, "xã hội" được xem như là một phần tách biệt ra khỏi "nhà nước", và "xã hội hoá" được sử dụng cho cái mà ở nơi khác người ta gọi là "tư nhân hoá".

Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2006-2010 (SE-DP) là một chiến lược phát triển chung đã được Đại hội Đảng Cộng sản lần thứ 10 thông qua vào tháng 4 năm 2006. Đây là lần đầu tiên kế hoạch 5 năm của Việt Nam chú trọng vào các nhóm người nghèo và nhóm người dễ bị tổn thương. Kế hoạch này nhấn mạnh rằng việc tham gia của các bên là điều mà các tổ chức và khu vực tư nhân mong mỏi và hy vọng khi tiến tới "xã hội hoá" các lĩnh vực về giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ (nghiên cứu), và các lĩnh vực y tế, cũng như các hoạt động thể thao và văn hoá. Đặc biệt trong lĩnh vực an sinh xã hội, chính phủ đang kêu gọi các mạng lưới bảo trợ tự nguyện thành lập các quỹ xã hội và phát triển các quỹ của các tổ chức quần chúng cho người tàn tật và những người có hoàn cảnh khó khăn khác.[11] Mặc dù chính phủ đã trao cho Mặt trận Tổ quốc vai trò đầu tầu trong việc phối hợp với các cấp chính quyền, các hội và các tổ chức quần chúng các cấp, Kế hoạch SEDP cũng khuyến khích các hoạt động nhân đạo của "các tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội và các liên hiệp xã hội để phát triển các mạng lưới an sinh xã hội và hỗ trợ có hiệu quả cho những người dễ bị tổn thương" và "tham gia vào việc quản lý và giám sát một số lĩnh vực công cộng".[12] Trong lĩnh vực này, các CSO đóng vai trò tiềm năng to lớn hơn nhiều.

Các cuộc thảo luận và những thay đổi gia tăng trong tư duy của Đảng – Nhà nước về các vấn đề quản trị điều hành cho thấy sự quan tâm nhất định trong việc đề cập đến "các công dân" một cách trực tiếp hơn trong các hoạt động lập kế hoạch của các cấp chính quyền địa phương. Không gian cho "quản trị điều hành có sự tham gia của các bên" dường như cũng đang thay đổi trong môi trường mới. Tuy nhiên, quản trị điều hành có sự tham gia của các bên không dẫn tới sự tham gia của các bên gia tăng bằng một XHDS rộng lớn hơn; mà việc này dẫn đến sự phân cấp và sự tham gia của các bên gia tăng trong hệ thống quản trị điều hành và hệ thống bầu cử. Các tổ chức quần chúng đang có được một vai trò mới với tư cách là những người trung gian giữa các công dân và chính phủ, trong khi đó vai trò của XHDS với tư cách là một đối trọng trên diện rộng đối với nhà nước là một mối quan tâm thứ yếu đối với Đảng – Nhà nước của Việt Nam. Cải thiện chất lượng của điều hành quản trị là trọng tâm chính của chính phủ, coi chính quyền như là người quản lý chủ chốt của Đảng – Nhà nước. XHDS thúc đẩy mạnh mẽ hơn nhằm tăng lãnh địa và không gian của mình trong xã hội, và trong thời gian này, các điều kiện của nó dường như đang được cải thiện, khi đất nước đang chuẩn bị gia nhập WTO[13] và đang phải tăng dần việc chấp thuận những tác động của các thế lực bên ngoài.

---

[10] Phan Văn Khải (2005) Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đọc diễn văn tại hội thảo về việc thúc đẩy xã hội hoá trong các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao và rèn luyện thể chất ở Hà Nội ngày 26 tháng 7 năm 2005. ấn phẩm của Thái Lan < vnnews-l do Stephen Denney> ngày 29 tháng 7 năm 2005; SEDP 2005-10.

[11] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2006), *Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội SEDP 2006-10*, Hà Nội, tháng 3 năm 2006, các trang 82-95.

[12] *Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội SEDP 2006-10*, các trang. 91, 140.

[13] WTO chính thức công nhận Việt Nam làm thành viên của tổ chức này vào ngày 7/11/2006

2. Nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự

Thiếu thông tin rộng rãi về XHDS ở Việt Nam đã dẫn tới quyết định hỗ trợ một Nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự (CSI), dựa trên một cơ sở phương pháp luận do CIVICUS xây dựng nên. Các mục tiêu của các nghiên cứu của CSI là đánh giá hiện trạng của XHDS và tạo ra hiểu biết thích hợp về XHDS ở cấp quốc gia bằng cách phối hợp các bên liên quan của XHDS. Trong tiến trình định hướng hành động giữa các bên liên quan và chính phủ với mục tiêu là tạo ra sự tự nhận thức về XHDS ở các quốc gia khác nhau, nhằm tăng cường XHDS, khuyến khích các cuộc tranh luận về hiện trạng của XHDS và tìm ra các cách cải thiện hiện trạng này. Trong giai đoạn 2004-2006, các khảo sát của CSI đã được tiến hành tại khoảng 50 quốc gia trên toàn thế giới. Ở mỗi nước, một Nhóm Đánh giá bao gồm Các bên liên quan cấp quốc gia (SAG) đã được thành lập với tư cách là một cơ chế phản hồi chủ đạo cho nhóm quốc gia tổ chức nghiên cứu. Nhóm SAG ở Việt Nam có 12 thành viên, gồm 8 đại diện từ XHDS, 2 nhà nghiên cứu và 2 thành viên từ cơ quan của chính phủ.[14] Ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước khác, nơi mà có rất ít các nghiên cứu về XHDS, nhóm đã áp dụng một phiên bản ngắn gọn của phương pháp luận, đó là Nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự - Công cụ Đánh giá Ngắn gọn (CSI-SAT) .[15]

Nhóm các cán bộ điều phối và các nhà nghiên cứu quốc gia gặp gỡ nhóm SAG để thảo luận và điều chỉnh dự án. Cơ sở phương pháp luận chủ đạo bao gồm việc xác định các điều kiện của XHDS liên quan đến 4 bình diện: 1) cấu trúc của XHDS; 2) môi trường kinh tế - xã hội đối với XHDS; 3) các giá trị của XHDS và 4) tác động của các hoạt động XHDS. CIVICUS đã xây dựng 74 chỉ số phù hợp với cơ sở phương pháp luận để nhóm SAG đánh giá và thảo luận. Nhóm SAG cho điểm mỗi tiêu chí trong bảng tổng hợp điểm số đã được xây dựng trước, và tiến hành đồng thời việc cho điểm bốn bình diện tạo nên một "hình thoi XHDS", thể hiện điểm mạnh và điểm yếu của bốn bình diện. Mỗi tiêu chí được cho điểm từ 0 đến 3, và các tiêu chí được tổng hợp lại để tạo ra một dữ liệu có bốn cạnh, một "hình thoi". Quy trình diễn ra khoảng vài vòng với một báo cáo sơ bộ được xây dựng trước lần cho điểm đầu tiên, và báo cáo quốc gia đầy đủ được viết giữa và sau các lần cho điểm. Hình thoi cuối cùng phản ánh cả thông tin và dữ liệu thu thập được trong báo cáo, và điểm số của nhóm SAG.

Phương pháp tiếp cận mà CIVICUS gợi ý trong việc phân tích XHDS có vẻ như khá đơn giản và rõ ràng. Tuy nhiên, phương pháp tiếp cận đơn giản này có cơ sở nhận thức luận rút ra từ các phương pháp tiếp cận khác nhau đối với XHDS, được xây dựng trên cơ sở các cuộc thảo luận của các học giả trong những thập kỷ vừa qua. Mục tiêu của Chỉ số Xã hội Dân sự (CSI) sẽ là một công cụ và là một khuôn khổ mang tính khái niệm cho việc đánh giá hiện trạng của XHDS vào thời điểm hiện tại và ở cấp quốc gia, thông qua một khuôn khổ tích hợp các biến số mang tính văn hoá vào các khái niệm hoá khác nhau về XHDS, trong khi vẫn trung thành với các giá trị chung, cơ bản. Mục tiêu này hết sức tránh kiểu phân tích Âu hoá bằng việc chỉ ra một thực tế là hoạt động công dân tập thể là đặc điểm phổ biến đối với mọi xã hội, và do vậy nó được tiếp nhận như là một khái niệm thích hợp cho việc mô tả một thực tế chung không phân biệt nguồn gốc triết học của nó.[16] Cũng như vậy, cơ sở phương pháp luận cũng nhằm tạo nên tự nhận thức ở một quốc gia cụ thể và là một công cụ cho các phân tích trên toàn quốc.

Định nghĩa về XHDS là: ***"Vũ đài nằm ngoài gia đình, nằm ngoài Nhà nước, nằm ngoài thị trường, là nơi người dân liên kết với nhau để thúc đẩy các quyền lợi chung"***.[17]

---

14 Phụ lục 1 về danh sách các thành viên của nhóm SAG.

15 Chi tiết cụ thể hơn về cơ sở phương pháp luận có thể xem trong Phụ lục 2. Hầu hết các cuộc khảo sát là các nghiên cứu đầy đủ của CSI, ngược lại CSI-SAT đưa ra một nghiên cứu ban đầu ít đi sâu chi tiết hơn.

16 CIVICUS (2005), *Chỉ số Xã hội Dân sự – Công cụ Đánh giá Ngắn gọn (CSI-SAT). Hướng dẫn cho Cơ quan Thực hiện nghiên cứu CSI-SAT,* CIVICUS.
Heinrich, Volkhart Finn và Mahi Khallaf (2006) *Đánh giá Xã hội Dân sự ở Đảo Síp và trên toàn thế giới – Chỉ số Xã hội Dân sự.* CIVICUS. Trên trang: <www.civicus.org/new/default.asp> [Truy cập: 25.2.2006]. Anheier, Helmut K. (2004) *Đo lường, Đánh giá, Chính sách.* London và Sterling VA, CIVICUS và Earthscan.

17 CIVICUS (2005) op. cit.

Hình 1. Ranh giới mờ nhạt của vũ đài xã hội dân sự

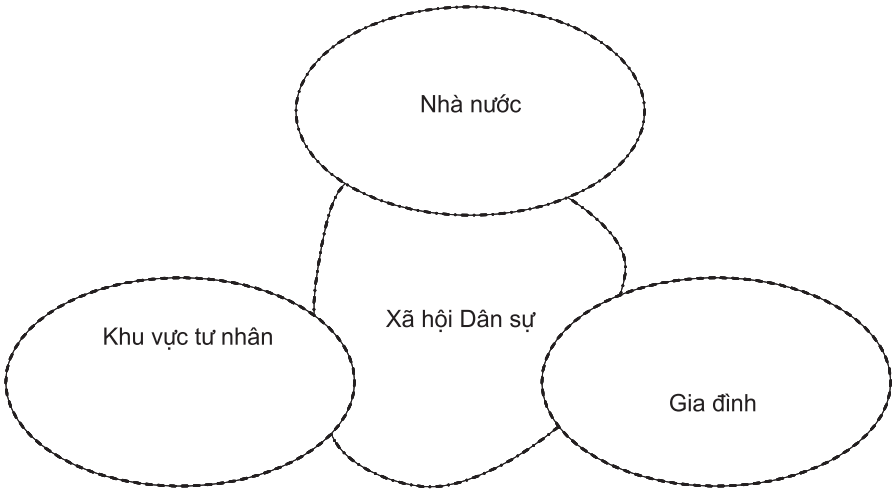

Như đã được trình bày bằng hình vẽ trong Hình 1, điểm quan trọng về định nghĩa này là rộng và mở, và nó nhấn mạnh vào các ranh giới mờ nhạt giữa các khu vực khác nhau, đây là một vấn đề vô cùng quan trọng ở một đất nước như Việt Nam, nơi mà xã hội dân sự có mối quan hệ qua lại mật thiết với nhà nước và không tách khỏi nhà nước, như một số định nghĩa khác đưa ra. Định nghĩa này cũng nhằm mục đích đề cập đến trong định nghĩa của mình *các chức năng* hơn là các hình thái của các tổ chức đó, hay có thể nói là định nghĩa này bao hàm mọi nỗ lực nhằm hỗ trợ các hoạt động và các giá trị để cải thiện phúc lợi của người dân thông qua các hoạt động từ thiện, nhân đạo và các phương thức khác. Định nghĩa này rộng hơn các định nghĩa khác mà chỉ coi các tổ chức và các hiệp hội như là cốt lõi của XHDS, do các nhóm không chính thức và các liên minh không được tính đến. Việc này mở rộng định nghĩa về XHDS vượt ra khỏi giới hạn chỉ là lĩnh vực hiệp hội đoàn thể để tăng cường các hoạt động "nhằm thúc đẩy các quyền lợi chung". Định nghĩa này hàm chứa đầy đủ và đủ linh hoạt để điều chỉnh đối với các quốc gia riêng biệt, bởi vì tiêu chí riêng cho việc định nghĩa XHDS phụ thuộc vào quan điểm quốc gia. Nhóm SAG ở Việt Nam chấp thuận định nghĩa này là phù hợp với nghiên cứu CSI, tuy một số thành viên vẫn mong định nghĩa này có thể chặt chẽ hơn và rõ ràng hơn. Trong các thành viên của nhóm SAG và Nhóm Thực hiện Quốc gia CSI có sự đồng thuận chung trong việc sử dụng phương pháp và phương thức tiếp cận CIVICUS trong việc phân tích XHDS Việt Nam.[18]

Đánh giá CSI cơ bản là đánh giá mang tính lịch sử và sơ bộ vào thời điểm nhất định của một xã hội cụ thể. Tuy nhiên, ý tưởng ở đây là tiếp tục theo dõi các vòng đánh giá được lặp lại để bổ sung các nhân tố cho cơ sở phương pháp luận. Trong nghiên cứu về Việt Nam, những đổi thay trong thập kỷ vừa qua được xem là vô cùng quan trọng đối với bất kỳ một sự thông hiểu nào về xã hội dân sự mới nổi.

2.1. Xã hội Dân sự Mới nổi tại Việt Nam

Từ giữa thập niên 90, một số ít học giả Việt Nam đã bắt đầu nghiên cứu "các tổ chức nhân dân". Vào đầu những năm 2000, một nghiên cứu về "các tổ chức công dân" đã được khởi xướng.[19] Các học giả nước ngoài cũng đã bắt đầu viết về đề tài này từ giữa thập niên 90, nhưng hầu hết các học giả này không xem các tổ chức quần chúng là một bộ phận của XHDS, đúng hơn, các tổ chức này được xem là một phần của hệ thống Đảng. Hiện trạng của các NGO Việt Nam mới nổi cũng gây tranh cãi, do các tổ chức này không có cơ sở hội viên và lãnh đạo của các tổ chức này đa phần xuất phát từ các cơ quan Nhà nước hoặc cơ quan Đảng. Hầu hết các tổ chức này không được xếp loại tổ chức độc lập.[20] Theo tiêu chí nổi bật nhất (tân-tự do), cơ bản ở Việt Nam là không có XHDS, cho dù một vài tổ chức có tiềm năng phát triển thành một XHDS.[21]

---

18 Phương pháp luận được mô tả rõ hơn trong Phụ lục 4.

19 Bùi Thế Cường (2005) Các tổ chức công dân ở Việt Nam. Trong: Irene Norlund, Đặng Ngọc Dinh và các cộng sự. *Xã hội Dân sự mới nổi*, Hà Nội, VIDS, UNDP, SNV và CIVICUS, Phụ lục 5.

20 Michael L. Gray (1999) tóm tắt và bổ sung bằng chứng mới trong bài báo của mình: Thiết lập Xã hội Dân sự? Sự nổi lên của các NGO ở Việt Nam. Trong: *Phát triển và Đổi thay*, 30:4, tháng 10 năm 1999. Nghiên cứu được tiến hành năm 1996.

21 Mark Sidel là một trong những học giả đầu tiên chỉ ra số lượng lớn các tổ chức ở Việt Nam trong Sidel (1995). Sự nổi lên của khu vực phi lợi nhuận và từ thiện tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong: Tadashi Yomamoto ed. (1995) *Xã hội Dân sự mới nổi trong Cộng đồng Châu Á Thái Bình Dương.* Singapore, ISEAS.

Một trong những thách thức căn bản để hiểu XHDS ở Việt Nam là đương đầu với thực tế là các tổ chức không độc lập với Nhà nước và Đảng mà ngược lại gắn kết chặt chẽ với nhau và với Nhà nước. Kể từ sau cuộc cách mạng, nhà nước đã xem khu vực nhà nước là quan trọng bậc nhất ở Việt Nam, và theo như các học thuyết Mác-xit Lê-nin-nít, Nhà nước trở thành một cơ quan định ra khuôn khổ cho các tổ chức công dân hoặc XHDS. Tuy nhiên, kể từ sau công cuộc *Đổi mới*, các tổ chức và các hiệp hội đã diễn ra ở các hình thức, chức năng và mục tiêu hoàn toàn khác nhau, và không nghi ngờ gì, trong thập niên 90, họ đã có được một vai trò quan trọng.

Mỗi loại hình tổ chức nổi lên trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Các nhóm ở làng xã, các nhóm dựa vào tín ngưỡng có lịch sử lâu đời nhất, đã tồn tại ở các làng xã từ hàng thế kỷ nay. Các tổ chức quần chúng được thành lập gắn với sự thành lập Đảng Cộng sản vào năm 1931 và cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945. Các tổ chức này được xem là các tổ chức trung gian giữa Đảng và người dân tiếp sau cuộc cách mạng và sự thiết lập quyền lực của Đảng vào năm 1954 ở miền Bắc, và 1975 ở miền Nam. Kể từ công cuộc *đổi mới*, đặc biệt là cuối thập niên 80, các tổ chức quần chúng dù sao cũng đã thay đổi về mặt hình thức. Họ ít nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ phía Nhà nước và phải hoạt động một cách bán độc lập với tổ chức Đảng. Số lượng các tổ chức và các câu lạc bộ cơ sở trực thuộc các tổ chức quần chúng đã mở rộng một cách đáng kể từ cuối thập niên 90. Hội phụ nữ và Hội Nông dân đặc biệt phát triển mạnh, đầu tiên là ở các vùng nông thôn, và các NGO Việt Nam đã bắt đầu nổi lên vào đầu và giữa thập niên 90 là một loại hình các tổ chức mới. Vào giữa những năm 2000, các học giả, các nhà tài trợ và các tổ chức đã chấp thuận rộng rãi hơn rằng trên thực tế có một xã hội dân sự đang hoạt động ở Việt Nam cho dù chỉ có hệ thống chính trị một đảng của đất nước.

Khuôn khổ pháp lý của các tổ chức là khác nhau tùy thuộc từng loại hình tổ chức khác nhau. "Luật về Quyền Lập Hội" đầu tiên đã được ban hành vào năm 1957. Trong một khoảng thời gian dài, ít có những thay đổi về pháp luật, và chỉ sau công cuộc *đổi mới*, một khuôn khổ luật pháp rộng hơn mới bắt đầu để định hình cho các tổ chức quần chúng, các NGO Việt Nam, các NGO quốc tế và các quỹ. Vào năm 1989, một khuôn khổ pháp luật mới đã được thông qua cho các tổ chức quần chúng, tạo cho họ quyền quản lý độc lập hơn. Khuôn khổ đầu tiên cho các NGO Quốc tế được ban hành vào năm 1989, và PACCOM (Ban Điều phối Viện trợ Nhân dân) đã được thành lập với vai trò là một cơ quan chính phủ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi và quản lý các NGO Quốc tế. Bước quan trọng đầu tiên dẫn tới việc thành lập các NGO Việt Nam là việc thông qua một nghị định về việc cho phép thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ phi lợi nhuận. Bộ Luật Dân sự đầu tiên được thông qua vào năm 1995, đã bắt đầu tiến trình xây dựng một khuôn khổ cho các CBO. Các quỹ xã hội và từ thiện có tầm quan trọng đối với các NGO Việt Nam không có cơ sở các hội viên được đề cập vào năm 1999; và một nghị định năm 2005 đã tạo ra một khuôn khổ cho các tổ chức tài chính quy mô nhỏ, chủ yếu là các nhóm tín dụng. Môi trường pháp lý đã được cải thiện cho hầu hết các tổ chức vào năm 1995, và kể từ đó Luật về Hội đã được đưa ra thảo luận. Tuy nhiên, chỉ đến năm 2005 mới được xác nhận là Quốc hội sẽ thông qua Luật này vào năm 2006.[22] Dự thảo Luật về hiệp hội dự định được Quốc hội xem xét tại kỳ họp mùa xuân. Do chính phủ và Quốc hội chưa đạt được sự đồng thuận về nội dung trong các phần quan trọng của luật, luật này đã được đưa ra khỏi chương trình thông qua luật của năm 2006.

Bộ Nội vụ (MOHA) là cơ quan chính phủ được giao nhiệm vụ xây dựng khuôn khổ pháp lý cho các tổ chức và cấp phép thành lập cho các hội. Một tổ chức có thể đăng ký bằng nhiều cách, nhưng đều theo các quy trình phức tạp và mất thời gian. Trong những năm gần đây, VUSTA (Hội Liên hiệp Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) đã phát triển thành một trong những tổ chức bảo trợ quan trọng nhất đối với nhiều hội nghề nghiệp và các NGO Việt Nam. Một số tổ chức được đăng ký trực tiếp với VUSTA ở cấp trung ương, và một số khác đăng ký với một trong những tổ chức của VUSTA ở địa phương. Một số tổ chức khác đăng ký trực thuộc bộ, và một số NGO nghiên cứu đăng ký với trường đại học. Đối với các CBO, họ có thể đăng ký theo Bộ Luật Dân sự, nhưng cũng có thể đăng ký với một trong những tổ chức quần chúng, chẳng hạn như Hội Chữ thập đỏ hoặc một số trong các tổ chức khác trực thuộc Mặt trận Tổ quốc, hoặc với hợp tác xã nông nghiệp.[23]

---

22 Phụ lục 3 phác thảo các quyết định pháp lý chính và đề cập đến các luật, quyết định và nghị định cụ thể

23 Theveeporn Vasavakul và Nguyễn Thái Vân (2006) *Các Nhóm Hợp tác ở Nông thôn Việt Nam: Tài liệu Cơ sở.* Hà Nội.

3. Bốn bình diện của Xã hội Dân sự - Phân tích của nhóm SAG

Nghiên cứu CSI ở Việt Nam được khởi đầu bằng buổi thảo luận trong Nhóm Đánh giá Các bên liên quan (SAG) với một phiên họp đặc biệt nhằm xác định các lực lượng có quyền lực nhất và mạnh nhất trong xã hội và trong XHDS. Tại phiên họp này đã kết luận rằng Đảng Cộng sản là lực lượng quan trọng nhất trong toàn *xã hội* nói chung, tiếp theo đó là các cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân và báo chí. Một số tổ chức XHDS được xem là ít có ảnh hưởng hơn, và các lực lượng có ít ảnh hưởng nhất trong số các tổ chức được xác định là các tổ chức công đoàn, các NGO Việt Nam và Hội Cựu chiến binh. Nói chung, các tổ chức XHDS không được xem là có ảnh hưởng lớn trong bản đồ xã hội này. Trong vòng làm việc thứ hai, SAG đã thảo luận về các lực lượng xã hội quan trọng nhất trong các tổ chức trong *xã hội dân sự*. Kết quả cho thấy là báo chí được xác định là lực lượng có ảnh hưởng nhất, tiếp đến là một số tổ chức quần chúng và các nhà trí thức. Có ảnh hưởng ở mức độ nào đó là các NGO Quốc tế, các tổ chức quần chúng, các hội nghề nghiệp, các nhóm tôn giáo, các nhóm dân tộc thiểu số, các nhà trí thức, thanh niên và nông dân. Có ảnh hưởng ít nhất là công nhân và các hội doanh nghiệp. "Việc phác họa quyền lực" này đã mang lại một số kết luận khá bất ngờ, ví dụ là khi mà công nhân đã từng được xem là xương sống của các lực lượng xã hội đã mất đi vai trò trước đây của mình với tư cách là các tác nhân xã hội, và các lực lượng mới nổi lên trên vũ đài như các nhà trí thức, các tổ chức tôn giáo và các dân tộc thiểu số được xem là có quyền lực hơn. Tuy nhiên ở đây nhóm SAG không hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng.

3.1. Cấu trúc của Xã hội Dân sự

Bình diện cấu trúc của CSI bao gồm các vấn đề về chiều rộng và chiều sâu của sự tham gia của người dân, tính đa dạng của các loại hình tổ chức và các bên tham gia khác, quy mô của các tổ chức bảo trợ và các mạng lưới sẵn có, và cuối cùng là các nguồn lực tài chính và nhân lực sẵn có đối với các tổ chức.

3.1.1 Dữ liệu về bình diện cấu trúc là trên diện rộng, nhưng vẫn còn thiếu

Bình diện cấu trúc của CSI là một vấn đề quan trọng, do bình diện này xác định các tổ chức đủ điều kiện được coi là một bộ phận của XHDS. Nhóm nghiên cứu đã liên hệ với nhiều tổ chức khác nhau trong quá trình chuẩn bị báo cáo đầu tiên cho nhóm SAG.

Vào khoảng năm 2000, một số tổ chức có sự tham gia của địa phương đã bắt đầu mô tả tổ chức của mình là các NGO và mối quan tâm để hiểu về XHDS Việt Nam bắt đầu tăng lên. Cho dù thường xuyên phải vật lộn với định nghĩa về XHDS, một nhóm các nhà nghiên cứu Việt Nam, cộng tác với một NGO Quốc tế (CARE) lưu tâm đến thực tế là XHDS đã có gốc rễ lịch sử lâu đời trong cấu trúc làng xã Việt Nam, và phạm vi rộng rãi của các tổ chức là một phần trong xã hội dân sự đó. Do vậy, người ta cho rằng XHDS ngày nay không chỉ bao gồm các NGO Việt Nam, mà còn bao gồm cả các tổ chức quần chúng, các tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức tại cộng đồng, cũng như các quỹ, hội từ thiện và các trung tâm hỗ trợ.[24]

Theo Bộ Nội vụ, định nghĩa về các tổ chức phi chính phủ là rất rộng. Nó bao gồm: 1) các hội, liên hiệp hội và các đoàn thể, 2) các quỹ, 3) các tổ chức khoa học và công nghệ, 4) các tổ chức hỗ trợ/bảo trợ, 5) các tổ chức tư vấn pháp luật.[25] Như đã nói ở trên, mỗi nhóm đăng ký theo quy định pháp luật khác nhau, nhưng cho dù có nhiều loại hình tổ chức, họ cũng không được xem là tạo nên một XHDS, mà chỉ là "các tổ chức công dân" hoặc "các tổ chức nhiều người biết đến". Các tổ chức quần chúng không được đề cập đến trong phân loại này, bởi vì các tổ chức này là "các tổ chức chính trị - xã hội" và theo đó được xem là đóng một vai trò đặc biệt trong xã hội. Theo tiếng Việt, thuật ngữ thông dụng nhất cho "civil society" là xã hội dân sự, dịch nguyên văn của từ "xã hội" và "dân sự", nhưng thuật ngữ này hiếm khi được sử dụng trong các bài phát biểu chính thức.[26]

---

24 Lê Bạch Dương, Khuất Thu Hồng, Bạch Tân Sinh và Nguyễn Thanh Tùng (2002) *Xã hội Dân sự ở Việt Nam.* Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Xã hội.

25 Nguyễn Ngọc Lâm (2005) *Một số nét khái quát tổ chức, hoạt động của tổ chức phi chính phủ* (Tổng quan về các NGO và các hoạt động của NGO), Tài liệu do VIDS tiến hành cho các nghiên cứu Việt Nam của CSI.

26 Thuật ngữ được phát triển từ tiếng Trung.

Sơ bộ về tình hình Việt Nam giữa những năm 2000 nhằm mục đích xác định XHDS một cách rộng rãi và tổng hợp bằng nghiên cứu của CSI. Nghiên cứu này cho thấy phạm vi rất rộng các tổ chức và các sáng kiến. Mặc dù mục đích của CSI không chỉ gói gọn trong *các tổ chức*, mà còn kể đến các loại hoạt động tập thể khác, nhưng việc xác định XHDS ở Việt Nam phải bắt đầu với các tổ chức. Bên cạnh các tổ chức chính thức, có một số lượng lớn các nhóm và các hoạt động không chính thức và bán chính thức, nhưng chỉ đề cập đến một cách chung chung do không có đủ thông tin.

Theo định nghĩa rộng của CSI, có một số lượng lớn các tổ chức và các nhóm tạo nên XHDS.[27] Nghiên cứu Việt Nam của CSI phân các tổ chức thành 4 nhóm: 1) các tổ chức quần chúng, 2) các hội nghề nghiệp, 3) các NGO Việt Nam, và 4) các tổ chức tại cộng đồng (Bảng 1).[28] Các *NGO Quốc tế* (INGO) có một vai trò đặc biệt. Các tổ chức này rất được coi trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các tổ chức khác, nhưng bản thân họ không phải là các chủ thể XHDS. Họ thường được xem là các nhà tài trợ, hỗ trợ các CSO và các cơ quan chính phủ. Số lượng các NGO Quốc tế đã tăng từ 50 lên gần 600 từ năm 1990 đến 2005.[29]

Nhóm *các tổ chức quần chúng* bao gồm sáu tổ chức chính: Mặt trận Tổ quốc (FF) được tính trong số các tổ chức quần chúng, nhưng đồng thời có chức năng bảo trợ cho 29 tổ chức. Năm tổ chức khác bao gồm Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh, và Đoàn Thanh niên Hồ Chí Minh. Trong lịch sử, các tổ chức này có quan hệ đặc biệt với Đảng cộng sản. Hơn nữa, các tổ chức này được tổ chức theo thứ tự cấp bậc, với các tổ chức ở mỗi cấp chính quyền từ trung ương đến các tỉnh thành, quận huyện, xã và làng. Số hội viên của năm tổ chức quần chúng chủ chốt là khoảng 32 triệu (không kể FF). Một điểm quan trọng liên quan đến vai trò của các tổ chức quần chúng trong XHDS là các tổ chức cơ sở có khá nhiều quyền tự chủ và có thể hoạt động tại cơ sở địa phương của họ, ngược lại các cấp cao hơn thường đóng vai trò là bậc thang danh vọng trong các tổ chức và để tiến thân vào các vị trí trong Đảng hoặc trong chính phủ. Các tổ chức này có các mạng lưới rộng khắp toàn quốc, nhưng cần đến sự hỗ trợ từ phía các nhà tài trợ hoặc các nguồn không thuộc Nhà nước khác để thực hiện bất kỳ một chương trình nào mang tính sáng tạo. Một số tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc không được xem là các tổ chức XHDS, chẳng hạn như Đảng Cộng sản và Lực lượng Vũ trang của Việt Nam.

Bảng 1. Các tổ chức XHDS chính

Nhóm	Các loại tổ chức trong nhóm	Quan hệ với Nhà nước	Định nghĩa của Việt Nam
Các Tổ chức Quần chúng	1.Hội Liên hiệp Phụ nữ 2. Hội Nông dân 3. Tổ chức Đoàn thanh niên 4. Hội cựu Chiến binh 5. Tổ chức Công nhân (VGCL-Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam)	Mặt trận Tổ quốc	Các Tổ chức Chính trị - Xã hội
Các Hội Nghề nghiệp và các Tổ chức Bảo trợ	1. Các tổ chức bảo trợ như Hội Chữ thập đỏ, VUSTA, VUAL, Liên minh Hợp tác xã, etc. 2. Các Hội Nghề nghiệp	1. Mặt trận Tổ quốc 2. Đăng ký với một tổ chức bảo trợ. Các Tổ chức cấp trung ương hoặc địa phương	1.Các Hội Nghề nghiệp Xã hội 2. Các Hội Nghề nghiệp và Xã hội; một số thuộc các NGO

[27] Xem Phụ lục 4 danh sách đầy đủ các tổ chức.

[28] Thảo luận chi tiết hơn về việc phân loại các tổ chức, xem Bùi Thế Cường (2005), Các Tổ chức Công dân ở Việt Nam Trong: Irene Norlund và Đặng Ngọc Dinh và các cộng sự. *Xã hội Dân sự mới nổi*, Hà Nội, VIDS, UNDP, SNV và CIVICUS, Phụ lục 5.

[29] Số liệu mới nhất cho thấy khoản tiền giải ngân vào năm 2005 là 160 triệu đô la Mỹ, tăng từ 80 triệu đô la Mỹ vào năm 2000. Bản Tin Vắn Việt Nam ngày 13 tháng 4 năm 2006 .

Các NGO Việt Nam	Từ thiện Các NGO nghiên cứu Các NGO về Tư vấn Các NGO về Giáo dục Các NGO về Y tế	VUSTA, Bộ chủ quản, Uỷ ban Nhân dân Tỉnh hoặc Huyện	Các tổ chức Xã hội; các NGO
Các Tổ chức tại cộng đồng	Các dịch vụ và phát triển hoặc theo hướng sinh kế Các tổ chức dựa vào tín ngưỡng Các nhóm dân cư Các gia tộc Các nhóm sáng kiến	Chi nhánh gián tiếp đối với các tổ chức khác hoặc Bộ Luật Dân sự Nhiều tổ chức không đăng ký	Các nhóm Cộng tác Nông thôn Các tổ chức dựa vào tín ngưỡng Các nhóm dân cư Các gia tộc

Các Hội Nghề nghiệp bao gồm khá nhiều loại tổ chức khác nhau, và có thể chia thành 2 nhóm chính, các hội bảo trợ và các hội nghề nghiệp. Nhóm đầu tiên nằm trong một số tổ chức trực thuộc FF, như VUSTA, Hội Chữ Thập đỏ, Hội Liên hiệp Văn học và Nghệ thuật, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam, Hội luật gia, 3 tổ chức tôn giáo, v.v... Nhóm thứ hai là các tổ chức có mạng lưới rộng lớn như Hội Làm vườn có mạng lưới ở 61 tỉnh, thành với khoảng 700.000 hội viên.[30] Các hội khác trực thuộc FF có các chức năng và cơ cấu khác nhau: VUSTA có 56 hội hoạt động khắp toàn quốc, có 38 tổ chức cấp địa phương, và 73 trung tâm và viện.[31] Hội Liên hiệp Văn học và Nghệ thuật Việt Nam bao gồm 10 hội nghề nghiệp cấp quốc gia và 63 hội nghề nghiệp cấp địa phương. Hơn thế, còn có 19 hội và liên đoàn thể thao, 70 hiệp hội các tổ chức kinh tế, 30 hội hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ nhân đạo và từ thiện.[32] Tuy nhiên, thông tin có sẵn về tổ chức và hoạt động của các hội nghề nghiệp còn khá hạn chế.

Các NGO Việt Nam thường là các tổ chức nhỏ. Con số ước tính của các NGO Việt Nam khác nhau phụ thuộc vào nguồn số liệu, nhưng dao động trong khoảng từ 1.300 đến 2.000. Các loại NGO Việt Nam chính có thể kể đến là: 1) các tổ chức cung cấp các dịch vụ xã hội cho chính phủ trong lĩnh vực y tế và giáo dục; 2) các NGO tiến hành các nghiên cứu (chủ yếu ở miền Bắc); 3) các tổ chức thực hiện các chương trình công tác xã hội (đặc biệt ở miền Nam)[33]; 4) các tổ chức nỗ lực vươn tới những nhóm người kém vị thế và sử dụng các phương pháp tiếp cận mới; và 5) các tổ chức hoạt động theo phương thức của các công ty tư vấn cho chính phủ hoặc cho các nhà tài trợ, chẳng hạn như để hỗ trợ việc thực hiện các PRA, công tác chuẩn bị các chương trình, v.v...[34] Các NGO Việt Nam thường có nhiều sáng kiến hơn các tổ chức khác xét về khía cạnh các chương trình và các cơ sở phương pháp luận của họ, thế nhưng tác động của họ lại hạn chế và quỹ tài chính cũng rất hạn hẹp. Các NGO Việt Nam theo xu hướng phát triển đặc biệt phụ thuộc vào khoản hỗ trợ tài chính của các nhà tài trợ nước ngoài; trong một nghiên cứu về các tổ chức "theo Chuyên đề" ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (Hộp 1), quỹ tài trợ nước ngoài chiếm khoảng 25 phần trăm của tổng số quỹ tài chính, nhưng đối với các NGO Việt Nam, tỷ lệ phần trăm có thể cao hơn.

---

30 Mark Sidel và Thaveeporn Vasavakul (2006) Báo cáo gửi VUSTA về Luật về Hội, Hà Nội.

31 VUSTA (2004) Hà Nội; Nguyễn Ngọc Lâm (2005) op. cit.

32 Nguyễn Ngọc Lâm (2005) op. cit.

33 Miền Nam Việt Nam có truyền thống lâu đời hơn trong việc tham gia vào công tác xã hội và cơ cấu của các tổ chức giữa Miền Bắc và Miền Nam hoàn toàn khác nhau (Wischermann (2003) Việt Nam trong Kỷ nguyên Đổi Mới. Các tổ chức "Theo Chuyên đề" và Mối quan hệ của các tổ chức này với Chính phủ. Trong: *Khảo sát Châu Á*, 43:6).

34 Thu thập trong một số bài báo về các NGO Việt Nam, Ben J.T. Kerkvliet, Russel H.K. Heng và David W.H. Koh eds. (2003) *Bắt đầu Tổ chức tại Việt Nam. Vận hành quanh Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa.* Singapore, ISEAS.

Hộp 1: Các NGO Việt Nam ở miền Bắc và miền Nam

Một nghiên cứu lớn hơn của 322 tổ chức" theo Chuyên đề"ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành vào năm 2000. Nghiên cứu này kết luận rằng tình hình ở miền Bắc và miền Nam khác nhau đáng kể về mặt tổ chức, tài chính và mối quan hệ với Chính phủ.[35] Nói chung, các NGO Việt Nam còn nhỏ với tỷ lệ trung bình ở miền Nam là 9 hội viên và ở miền Bắc là 15 hội viên .[36] Ở miền Nam, điểm nhấn của công việc là thiên về truyền thông làm công tác xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội. theo phương thức hướng hành động, trong khi các tổ chức đặt tại Hà Nội tham gia nhiều hơn vào công tác nghiên cứu, phổ biến thông tin, dịch vụ. Họ cũng quan tâm nhiều hơn đến việc tác động vào chính sách so với các tổ chức ở phía nam. Hơn nữa, các tổ chức ở phía nam được tài trợ bởi các nguồn trong nước, trong khi đó các tổ chức đặt tại Hà Nội tạo nguồn lực bằng phương thức thu phí dịch vụ.[37] Cả ở phía bắc và phía nam, tài trợ nước ngoài nằm trong phạm vi 25%, vậy là tương đối thấp nếu xét đến điều người ta thường nói là các NGO Việt Nam đang được điều khiển bởi các nhà tài trợ nước ngoài.[38]Tuy nhiên, có lẽ nói thế này thì đúng hơn: có sự độc lập tài chính lớn hơn khi nói về các NGO Việt Nam chủ yếu mang định hướng phát triển.[39]Họ ngày càng có khả năng đề xướng những phương thức mới để giải quyết các vấn đề và làm việc trực tiếp với các cộng đồng, không chỉ trong mối quan hệ đối tác với các tổ chức quần chúng như trước đây.

Năm 2005 *các Tổ chức Cộng đồng* (CBO) bao gồm khoảng 100.000 - 200.000 nhóm.[40] Họ được thành lập vì những mục đích liên quan đến đời sống nhân dân và bao gồm nhiều nhóm như nhóm sử dụng nước, nhóm chăn nuôi lợn bò, nhóm thanh niên, nhóm tương trợ lẫn nhau, nhóm khuyến học, nhóm người cao tuổi, nhóm dòng tộc, và các nhóm chăm lo chùa chiền, lễ hội. Ở thành phố có những nhóm hàng xóm láng giềng, nhóm văn hoá, nhóm giải trí và các nhóm khác. Những nhóm này có quy mô nhỏ, một số tự phát sinh nhưng các nhóm khác cũng được thành lập xoay quanh các hoạt động của các nhà tài trợ, các NGO quốc tế hoặc NGO Việt Nam. Vì hoạt động ở cấp cơ sở do đó không có một khuôn khổ pháp lý độc lập cho hoạt động của nhóm, nhưng các nhóm này có thể đăng ký theo bộ Luật Dân sự năm 1996 dưới danh nghĩa tổ chức quần chúng hoặc hợp tác xã. Nhìn chung phần lớn các nhóm này không hề đăng ký hoạt động.

Nếu thống kê số thành viên của các tổ chức lớn và các tổ chức tín ngưỡng, xã hội dân sự bao gồm ít nhất 65 triệu người trong số 83 triệu dân.[41] Đó là chưa tính đến số thành viên của các tổ chức văn hoá và giáo dục, y tế, thể thao. Ngoài ra còn có các nhóm không chính thức như các nhóm tín dụng và tiết kiệm, với hơn 10 triệu người tham gia; các CBO và các nhóm khác với hàng triệu thành viên.

Phác họa các tổ chức ở Việt Nam cho thấy đời sống xã hội rất phong phú và đa dạng. Một trong các cuộc khảo sát đại diện được tiến hành ở Việt Nam, Khảo sát Giá trị Thế giới (WVS), đã đạt được kết quả tương tự thậm chí còn cao hơn kết quả của cuộc khảo sát đầu tiên được tiến hành năm 2001. Theo khảo sát này, ở Việt Nam, tính trung bình, mỗi người là thành viên của 2,3 nhóm.

---

35 Bùi Thế Cường, Nguyễn Quang Vinh, Wischermann (2001); Wischermann (2003), op. cit.

36 Một vài tổ chức lớn có thể nhận thấy như VINAVAC lên tới 300.000 hội viên (ADB, Helvetas).

37 Wishermnn (2003), op, cit. trang 878.

38 Gray, op.cit. 1999; Gita Sabharwal và Trần Thị Thiên Hương (2005) *Xã hội Dân sự ở Việt Nam: Chuyển từ thứ yếu sang chủ đạo.* Hà Nội, DfID.

39 Katrine R. Pedersen (2005) *Sự thay đổi các Mối quan hệ Nhà nước-Xã hội. Một Nghiên cứu về Luật Xã hội Dân sự ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.* Hà Nội.

40 Hội thảo của PPWG về "Các Nhóm hợp tác Nông thôn" (2005): Nguyễn Văn Nghiêm, *Các nhóm Nông dân trong Nông nghiệp và ở các Khu vực Nông thôn. - các Vấn đề còn tồn tại.* Chu Tiến Quang, *Khuôn khổ pháp lý và chính sách để phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam.*

41 Xem danh mục chi tiết tại Phụ lục 4. Một số người dân là thành viên của một số tổ chức. Theo WVSV, tính ra có 74% là thành viên của ít nhất 1 tổ chức.

Bảng 1. Thành viên trong các tổ chức và các nhóm xã hội ở Việt Nam, Trung Quốc và Singapore, 2001

Nhóm/đoàn thể/tổ chức	Việt Nam	Trung Quốc	Singapore
Phát triển/nhân quyền	1,5	0,4	0,5
Bảo tồn/môi trường	7,6	1,2	0,9
Nhóm hoà bình	9,2	0,9	0,9
Tổ chức tôn giáo	10,4	3,6	19,8
Công đoàn	11,3	6,9	4,3
Hội nghề nghiệp	13,3	1,2	4,4
Nhóm sức khoẻ	14,8	2,7	3,6
Công tác thanh niên	15,4	1,1	8,3
Giáo dục/nghệ thuật/âm nhạc	17,3	2,2	14,0
Thể thao/giải trí	19,2	3,2	15,1
Nhóm cộng đồng địa phương	26,2	1,5	2,4
Phúc lợi xã hội	26,5	2,9	7,1
Nhóm phụ nữ	28,4	0,9	1,2
Nhóm chính trị/tổ chức	28,5	8,3	0,4
Các loại khác	3,7	--	3,6
Số thành viên trung bình	2,33	0,39	0,86

Nguồn: R. Dalton (2006) và các Khảo sát Giá trị Thế giới 1999-2002.[42] Khảo sát WVS dựa trên 1000 cuộc phỏng vấn, một con số giới hạn, nghĩa là các số liệu rất thấp này kém tin cậy/đại diện.

Việt Nam có số người tham gia vào nhiều tổ chức rất cao so với các nước có nền quản trị điều hành tương tự như Singapore và Trung Quốc. Trong một cuộc khảo sát ở Trung Quốc, những người được phỏng vấn trung bình tham gia vào 0,39 tổ chức; con số của Singapore là 0,86.[43] Những con số này cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa 3 nước, đó là chính phủ Việt Nam chấp nhận và khuyến khích hơn đối với sự tham gia của người dân vào các tổ chức so với các nước làng giềng.[44]

3.1.2. Đánh giá của SAG: Xã hội Dân sự rộng nhưng không sâu

Nhìn tổng thể, chiều rộng của xã hội dân sự được đánh giá ở mức độ đáng kể do sự tồn tại phổ biến của các tổ chức ở tất cả các cấp và các địa phương; duy chỉ ở những vùng sâu vùng xa nơi đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống là có ít các tổ chức. Tuy nhiên, chiều sâu được đánh giá tương đối thấp vì trong nhiều trường hợp, những thành viên trong các tổ chức không được coi là tự nguyện và thường không tích cực lắm. Một trong những chỉ số của Khảo sát Giá trị Thế giới (WVS) bao gồm mức độ hoạt động chính trị ở Việt Nam. Một điều đáng ngạc nhiên là mức độ này rất thấp: chưa đến 2% mẫu khảo sát WVS tham gia vào các hành động chính trị, mặc dù 6% (một tỷ lệ hơi cao hơn) nói rằng họ đã từng ký đơn kiến nghị.[45] Mức độ hoạt động từ thiện là đáng kể đối với một nước nghèo, và nhiều sáng kiến từ thiện đã được thực hiện cả trong và ngoài nước bởi vì có truyền thống hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn. Về chỉ số này, nhóm SAG cho điểm cao cho số lượng nhưng điểm khá thấp cho chất lượng. Việc tham gia tình nguyện cũng rất phổ biến ở các tổ chức. Về mức độ tình nguyện, được đánh giá cao về số lượng tham gia nhưng một lần nữa lại thấp đến ngạc nhiên về chất lượng. Một điểm yếu chung đã được xác định, đó là tương đối thiếu các tổ chức bảo trợ có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho các tổ chức nhỏ hơn, cũng như còn thiếu những mạng lưới không chính thức. Có mối quan hệ yếu giữa các tổ chức cùng loại và thậm chí còn yếu hơn giữa các tổ chức khác loại mặc dù họ vẫn thường

42 Có thể tìm khảo sát WVS <http://www.democ.uci.edu/democ/archive/vietnam.htm>, khảo sát dựa trên 1000 người được phỏng vấn.

43 Russ Dalton (2006) Xã hội Dân sự, Vốn Xã hội và Dân chủ. Trong: R.Dalton và Doh Chull Shin (chủ biên). *Công dân, Dân chủ và Thị trường quanh Vành đai Khu vực Thái Bình Dương*. Oxford, Nhà xuất bản Đại học Oxford

44 Dalton (2006) op.cit.

45 Theo Khảo sát Giá trị Thế giới (WVS).

làm việc với nhau hoặc song song với nhau trong các dự án. Khả năng của các nguồn lực tài chính cũng được đánh giá ở mức trung bình trong khi các nguồn nhân lực, nguồn lực kỹ thuật và cơ sở hạ tầng hiện có của các tổ chức được coi là thấp.

Kết luận là các tổ chức đó rất đa dạng nên tồn tại một xã hội dân sự phân mảng, mặc dù có một số tổ chức bảo trợ chung như Mặt trận Tổ quốc, với chức năng tương đối chính thức. VUSTA nằm trong một số tổ chức bảo trợ đã bắt đầu thực hiện một số hoạt động để hỗ trợ tăng cường năng lực cho các tổ chức. Cần có các nguồn lực tài chính cho nhiều tổ chức, dù không phải tất cả; tuy nhiên, theo SAG, nhu cầu về cơ sở hạ tầng và cán bộ nhân viên có chuyên môn cao hơn là điều còn quan trọng hơn.

Cấu trúc (điểm: 1,6) của xã hội dân sự cho thấy một xã hội dân sự rộng nhưng một hỗn hợp phức tạp gồm các tổ chức khác nhau về nguồn gốc, cấu trúc, tính hợp pháp, mục đích và tài trợ. Trái lại, độ sâu của thành viên thấp hơn đáng kể vì không tích cực lắm. Điều này có tác động tổng thể và làm yếu cấu trúc. Mạng lưới giữa các tổ chức rất yếu nên hạn chế tác dụng của các hoạt động, học tập, tương trợ lẫn nhau; và các tổ chức bảo trợ chưa hỗ trợ được đầy đủ cơ sở hạ tầng. Tăng cường năng lực và cơ sở hạ tầng là nhu cầu bức bách nhất của một số tổ chức.

3.2. Môi trường cho Xã hội Dân sự

Việc đánh giá môi trường xã hội dân sự dựa trên 7 vấn đề: bối cảnh chính trị, những quyền tự do cơ bản, bối cảnh kinh tế-xã hội, bối cảnh văn hoá-xã hội, môi trường pháp lý, các mối quan hệ nhà nước-xã hội dân sự và cuối cùng là quan hệ nhà nước-tư nhân.

3.2.1 Dữ liệu về bình diện môi trường: một số đánh giá quốc tế gây tranh cãi

Trong báo cáo của CSI, dữ liệu về môi trường chính trị-xã hội có phần dựa trên những chỉ số so sánh quốc tế đối với những vấn đề liên quan đến trình độ quản trị nhà nước, tham nhũng và các quyền lợi chính trị. Điều này gây khá nhiều tranh cãi trong nhóm SAG. Bối cảnh kinh tế-xã hội dựa trên một số tiêu chí kinh tế từ những báo cáo của chính phủ các nước và các nhà tài trợ. Các chỉ số văn hoá-xã hội chủ yếu dựa trên Khảo sát Giá trị Thế giới về Việt Nam vì chỉ có ít dữ liệu quốc gia thuộc loại này. Thông tin về môi trường pháp lý được lấy từ các nghiên cứu tại các địa phương của Việt Nam; tương tự, thông tin về các mối quan hệ giữa xã hội dân sự và nhà nước, giữa xã hội dân sự và khu vực tư nhân được dựa trên các nghiên cứu tiến hành tại Việt Nam.

3.2.2 Đánh giá của Nhóm SAG: có một số điểm yếu, nhưng cũng có một số điểm mạnh

Nhóm Đánh giá Các bên liên quan CSI (SAG) thấy rằng "các quyền lợi chính trị" ở Việt Nam vẫn còn một số hạn chế, mặc dù không đến mức như một số nguồn tin nước ngoài đưa tin cho rằng Việt Nam là một "đất nước không có tự do".[46] Nội bộ nhóm nhận thấy một điểm cốt lõi là công dân có quyền tự do bầu cử. Tuy nhiên có sự nhất trí rộng rãi rằng cạnh tranh chính trị bị hạn chế bởi lẽ chỉ được phép có một đảng. Theo nhóm SAG, pháp quyền chỉ mới được thiết lập một phần ở quốc gia này, mặc dù đã trải qua nhiều năm cải cách hành chính và tư pháp; và có nhiều tham nhũng ở khu vực công (cũng như các lĩnh vực khác không được đề cập trong cuộc thảo thuận). Tính hiệu quả của nhà nước được đánh giá là khá tốt mặc dù có điểm số tương đối thấp về mặt dữ liệu so sánh quốc tế; điểm số của phân cấp quản lý khá cao, với một phần đáng kể kinh phí nhà nước được phân bổ cho cấp tỉnh (44%). Tuy nhiên sự phân bổ cho cấp thấp hơn dường như kém phần tích cực.

Mặc dù *các quyền công dân cơ bản* (tự do hội họp, ngôn luận và lập hội) về nguyên tắc được hiến pháp đảm bảo, nhưng nhóm SAG nhận thấy rằng có một số vi phạm những quyền công dân cơ bản và cho chỉ số này điểm trung bình. Quyền tự do báo chí là một vấn đề gây tranh cãi nhưng hầu hết mọi người nhận thấy rằng mức độ tự do trong lĩnh vực này là đáng kể, mặc dù còn có những chủ đề nhạy cảm chưa được thảo luận. Điều này tương phản hẳn với những nguồn tin quốc tế như Ngôi nhà Tự do, xếp hạng Việt Nam rất thấp về phương diện này.

[46] Freedomhouse. T¹i trang: <http://www.freedomhouse.org.>

Bối cảnh kinh tế-xã hội được đánh giá dựa trên một số chỉ số, tất cả có 8 chỉ số. Việt nam vẫn còn là một nước nghèo, với GDP đầu người vào khoảng 640 USD,[47] mặc dù có sự tăng trưởng nhanh chóng và giảm nghèo đáng kể trong thập kỷ qua. Tình hình nhìn chung là ổn định và không bị khủng hoảng lớn về kinh tế hoặc xã hội, và tình trạng thiếu công bằng ở mức bình thường (nằm dưới mốc chuẩn của hệ số gini 0,4).[48] Tỷ lệ biết đọc biết viết rất cao nếu nhìn từ góc độ quốc tế. Nếu xét đến mặt tiêu cực, cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin vẫn còn nằm dưới mốc chuẩn do CSI thiết lập. Các mặt tiêu cực khác bao gồm mức nghèo và sự xuất hiện một số xung đột về tôn giáo và sắc tộc. Tuy nhiên nhìn tổng thể, chỉ số này được cho điểm tương đối tốt vì tình hình kinh tế và xã hội ổn định và tỷ lệ biết đọc biết viết cao.

Bối cảnh kinh tế-xã hội ở Việt Nam, về mặt giá trị và thái độ, được xác định là có thể tiến tới xã hội dân sự, bao gồm các yếu tố “lòng tin”, “khoan dung” và “ý thức”. Những chỉ số này còn chưa quen thuộc đối với công chúng Việt Nam nhưng thường được các nhà nghiên cứu sử dụng để đánh giá bối cảnh về phương diện các giá trị dân chủ. (Putnam, khảo sát WVS).

Yếu tố lòng tin được xem như chất keo gắn kết xã hội thông qua các mạng lưới và hoạt động hiệp hội đoàn thể. Chỉ số lòng tin WVS được chấp nhận như một mốc chuẩn đối với CSI. Vấn đề chung được nêu lên trong cuộc khảo sát là suy nghĩ của người được phỏng vấn về mức độ lòng tin của đa số người dân.

Bảng 2. Mức độ của lòng tin ở các quốc gia

Nước	Mức độ lòng tin, tỷ lệ %
Trung Quốc	52%
Nhật Bản	42%
Việt Nam	41%
Canada	39%
Mỹ	35%
Hàn Quốc	27%
Singapore	17%
Philippines	6%

Mức độ lòng tin 41% tương đối cao ở Việt Nam có lẽ là do một số lý do, mặc dù cơ cấu tỷ lệ phần trăm giữa các nước không cho phép rút ra kết luận rõ ràng. Các giá trị cơ bản của xã hội phần lớn vẫn hướng tới gia đình, họ hàng, bạn bè thân thiết; trong trường hợp này, có lẽ mức độ lòng tin còn có thể lên đến mức cao hơn so với các nước Tây Âu thời hậu chiến tranh lạnh, nơi mà mức độ này nhìn chung rất thấp.[49] Nói chung mức độ lòng tin dường như thường cao hơn ở một số quốc gia chịu ảnh hưởng của Nho giáo, mặc dù đối với Hàn Quốc và Singapore thì không hẳn như vậy. Vượt lên trên nền văn hoá hướng tới gia đình và chịu ảnh hưởng của Nho giáo, văn hóa tổ chức, bao gồm Đảng, các tổ chức quần chúng và các cơ sở giáo dục, đã tạo nên một tầng lớp mang "quan hệ đồng chí" có lẽ cũng tăng mức độ lòng tin vốn tương đối cao. Ví dụ Trung Quốc cũng có mức độ lòng tin cao. Một phát hiện từ khảo sát WVS ở Việt Nam cho thấy rằng những người thuộc về nhiều tổ chức có mức độ lòng tin không cao hơn so với những người khác, nghĩa là lòng tin, thường chuyển hoá thành vốn xã hội, không làm tăng các giá trị dân chủ mà làm tăng các giá trị văn hoá hiện tại mang tính chính trị.[50]

---

47 MPI (2006) Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội (SEDP) 2006-10, Hà Nội tháng 3 năm 2006, trang 19

48 Theo các Khảo sát Mức sống ở Việt Nam, sự thiếu công bằng không thay đổi đáng kể: hệ số gini năm 1992 là 0,34 đến 0,35 năm 2002. Tuy nhiên vẫn còn một vấn đề về sự thiếu công bằng giữa dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số, và tình hình có lẽ đang trở nên xấu hơn.

49 Dalton (2006) op.cit.

50 Phát hiện này đặc biệt đối với Việt Nam

Chỉ số *Khoan dung* [51] được coi là ở mức trung bình trong xã hội, đặc biệt về nhiều loại "tệ nạn xã hội", như mại dâm, nghiện ma tuý và đồng tính luyến ái. Chỉ số *ý thức*[52] để phân tích những loại thái độ của người dân đối với những vấn đề như hối lộ và khai man thuế. 94% và 88% phản đối hối lộ và khai man thuế, coi là "không thể biện minh được"(theo thứ tự tương ứng). Tuy nhiên, mức độ ý thức mà khảo sát WVS ghi nhận xem ra cao hơn so với thực tế, nếu xét đến mức độ phổ biến tham nhũng. Những định nghĩa khác nhau về hối lộ/tham nhũng là một cách lý giải khác cho sự cách biệt này. Tặng quà là điều bình thường và được chấp nhận ở trong xã hội Việt Nam nhưng bị coi là một loại tham nhũng theo chuẩn mực quốc tế.

Môi trường pháp lý của một tổ chức có tầm quan trọng đặc biệt đối với tổ chức đó. Có thể lập luận rằng khuôn khổ pháp lý ở Việt Nam mang tính hỗ trợ về phương diện thành lập các tổ chức như các bằng chứng cho thấy. So với các nước khác trong khu vực có nền quản trị điều hành tương tự, Việt Nam có số lượng tổ chức cao. Tuy nhiên, nhóm SAG chỉ rõ rằng việc thành lập các tổ chức vẫn còn rất khó khăn; các thủ tục chiếm rất nhiều thời gian và cần phải có tiền và các mối quan hệ cá nhân. Người ta cũng nhận thấy một điều nữa là sự hỗ trợ rất hạn chế và khá khó khăn. Luật thuế không có gì thuận lợi đặc biệt đối các tổ chức. Mặc dù các tổ chức phi lợi nhuận không phải đóng thuế, các nhà hảo tâm cũng không được hưởng bất cứ hình thức miễn thuế nào, nhóm SAG nhận thấy đây là khu vực có thể dễ dàng cải thiện và đem lại tác động lớn.

Một số vấn đề khác được đề cập liên quan đến các *mối quan hệ nhà nước-xã hội dân sự*: Tính tự chủ của xã hội dân sự đối với nhà nước ở mức độ nào? Liệu các tổ chức có thể hoạt động mà không bị chính phủ can thiệp quá mức? Liệu nhà nước có bảo vệ quyền lợi của công chúng?

Các tổ chức quần chúng rõ ràng là không có mức độ tự quản tự chủ cao đối với nhà nước nhưng các nhóm ở cấp cơ sở thì tự quản tự chủ hơn nhiều so với các cấp cao hơn. Đối với các NGO Việt Nam các hội nghề nghiệp, các CBO và thậm chí các tổ chức tôn giáo, một điểm đưa ra thảo luận là liệu trên thực tế nhà nước có can thiệp quá nhiều cho dù có chủ định như vậy hay không. Một số thành viên của nhóm SAG nhận thấy rằng các tổ chức có thể hoạt động mà không bị can thiệp nhiều. Hầu hết các tổ chức có một mối quan hệ nhất định với nhà nước như đã nêu trên, do tính chất rắc rối của các cấu trúc xã hội. Cũng có thể lập luận rằng sự can thiệp của nhà nước cũng bảo vệ các tổ chức trong trường hợp gặp khó khăn. Nói chung vấn đề là "độc lập" đối với nhà nước không phải là mối quan tâm chính của hầu hết các tổ chức. Về chỉ số về sự hợp tác với nhà nước và tài trợ của nhà nước cho các CSO, các tổ chức quần chúng hợp tác nhiều nhất với nhà nước trong số các CSO và rõ ràng là nhận được nhiều hỗ trợ nhất từ nhà nước nhưng vẫn phải tìm kiếm các phương án tài trợ khác (ví dụ, công đoàn có một chi nhánh du lịch lớn). Ngay cả VUSTA thuộc Mặt trận Tổ quốc cũng chỉ được tài trợ một phần từ ngân sách nhà nước. Các hội nghề nghiệp và các NGO Việt Nam thường chỉ nhận được hỗ trợ của nhà nước nếu họ thực hiện một số nhiệm vụ nhất định theo thỏa thuận. Như đã đề cập, những mối quan hệ giữa nhà nước và các CSO rất phức tạp và không thể chỉ coi là hợp tác hay không hợp tác trong bối cảnh của nền văn hoá chính trị của Việt Nam. Các chỉ số liên quan đến “đối thoại giữa chính phủ với các CSO” và “sự hợp tác và hỗ trợ của nhà nước cho các CSOs” đều được đánh giá ở mức độ dưới trung bình.

Các mối quan hệ giữa khu vực tư nhân và xã hội dân sự không phải là mối quan tâm chính đối với SAG, nhóm này đánh giá thấp những loại thái độ của khu vực tư nhân, mức độ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong quốc gia, và mức độ từ thiện của doanh nghiệp. Nhóm nghiên cứu đã tìm thấy nhiều ví dụ về trách nhiệm doanh nghiệp nhưng không có số liệu tổng thể. Đó có lẽ là một khu vực đòi hỏi sự quan tâm và tìm hiểu hơn nữa, đặc biệt là vì khu vực này ngày càng trở nên quan trọng ở những nước châu Á khác.

Một trong những nguyên nhân của sự yếu kém của xã hội dân sự là môi trường hoạt động của xã hội(điểm: 1.4). Các quyền tự do chính trị và tự do công dân vẫn còn bị hạn chế ở một số lĩnh vực, môi trường pháp lý hiện nay không thuận lợi cho hầu hết các tổ chức ngoại trừ các tổ chức quần chúng, họ được hưởng những đặc quyền từ Đảng và nhà nước. Nhìn chung, các mối quan hệ giữa nhà nước và các CSO ở dưới mức trung bình và các mối quan hệ giữa các CSO và khu vực tư nhân cũng được đánh giá ở dưới mức trung bình.

---

[51] Khoan dung được định nghĩa là các mức độ chấp nhận những người có khác biệt về dân tộc, tôn giáo, quốc tịch và các dạng khuyết tật về xã hội hoặc thể chất khác nhau.

[52] Ý thức được định nghĩa là mức độ mà công dân phản đối việc vi phạm những quy tắc xã hội như trốn thuế hay dùng xe của người khác mà không xin phép chủ nhân.

3.3. Các giá trị của Xã hội Dân sự

Việc phân tích các giá trị của các CSO và phương thức các tổ chức này thúc đẩy các giá trị đó trong xã hội bao gồm bẩy vấn đề: dân chủ, tính minh bạch, tính khoan dung, phi bạo lực, bình đẳng giới, giảm nghèo và tính bền vững của môi trường.

3.3.1. Dữ liệu cho bình diện giá trị thiếu các nghiên cứu tổng quát

Dữ liệu cho bình diện này gây ra nhiều khó khăn hơn dữ liệu cho 2 bình diện trước, bởi vì các giá trị và văn hoá thường ít được quan tâm hơn so với các diễn đàn về pháp luật và kinh tế-xã hội, đặc biệt khi nói đến các điều kiện nội bộ của các tổ chức. Có một số dữ liệu thống kê khái quát về các tổ chức, bộ máy lãnh đạo và giới, nhưng các nghiên cứu điển hình và các báo cáo dự án được sử dụng thường xuyên hơn, nhìn chung điều đó càng làm cho các thành viên của nhóm SAG tác động đến việc cho điểm dựa vào những kinh nghiệm và ý kiến của riêng họ.

3.3.2. Đánh giá của nhóm SAG nhấn mạnh giảm nghèo và bình đẳng giới, không nhấn mạnh tính minh bạch

Về vấn đề dân chủ nội bộ của các tổ chức, các tổ chức quần chúng thực hiện "tập trung dân chủ", nghĩa là họ tổ chức bầu cử dân chủ nhưng những người lãnh đạo đắc cử cũng còn phải được các cấp cao hơn thông qua (hoặc thậm chí thông qua trước). Các hội nghề nghiệp thường thực hiện bầu cử dân chủ nhưng đảng viên có lẽ có ảnh hưởng đến kết quả bầu cử. Các NGO Việt Nam có nhiều loại bộ máy lãnh đạo khác nhau nhưng họ thường tập trung xung quanh các cá nhân đơn lẻ và họ không có cơ số thành viên lớn ngoại trừ một số trường hợp hiếm hoi. Thông thường, các CBO thực hiện bầu cử dân chủ nhưng các vị lãnh đạo thường sẽ là những người từ các tổ chức quần chúng, từ bộ máy lãnh đạo của chính quyền hoặc làng bản. Bức tranh hỗn hợp này khiến các thành viên của SAG cho điểm rất khác nhau, tuỳ thuộc vào định nghĩa về dân chủ của mỗi người. Một số người cho rằng “tập trung dân chủ” chính là dân chủ trong khi những người khác không nghĩ như vậy. Mọi người đều nhất trí rằng nhà nước quyết định khuôn khổ cho dân chủ. Tuy vậy dân chủ được hầu hết các tổ chức nhìn nhận một cách tích cực (dù không phải tất cả). Mặt khác SAG nhận thấy rằng các CSO thúc đẩy dân chủ không nhiều lắm trong xã hội.

Tham nhũng trong phạm vi xã hội dân sự được đánh giá ở mức thấp hơn so với trong phạm vi toàn thể xã hội; tuy vậy, xã hội dân sự không phải là không có tham nhũng và "văn hoá tham nhũng vặt" là phổ biến ở toàn thể xã hội Việt Nam nói chung. *Tính minh bạch* tài chính được đánh giá theo tỷ lệ các tổ chức công khai các tài khoản của họ. Về vấn đề này, trong nhóm SAG có những ý kiến khác nhau nhưng hầu hết đều nhận thấy rằng chỉ một tỷ lệ nhỏ các tổ chức thực hiện minh bạch như vậy. Nhóm đánh giá đều nhất trí rằng các CSO thường không gia tăng giá trị minh bạch một cách đáng kể trong xã hội, một kết quả lôgic của sự thiếu minh bạch giữa chính các tổ chức.

Khoan dung được coi là điều tự nhiên đối với xã hội dân sự, với quan điểm chấp nhận những người khác và thúc đẩy phi bạo lực ở một quốc gia được thiết lập trên nền tảng đạo phật và các giá trị Nho giáo. Trải qua những cuộc chiến tranh dài, Việt Nam cũng góp phần ủng hộ hoà bình và phi bạo lực. Việc các tổ chức giúp đỡ những người dân bị thiệt thòi trong xã hội cũng là lẽ thông thường, chẳng hạn những người khuyết tật hoặc có hoàn cảnh khó khăn cũng như những người bị ốm đau bệnh tật hay phụ nữ nghèo. Tuy nhiên, mức độ khoan dung thấp hơn đối với "người ngoài" của những nhóm khác, đặc biệt là những người nghiện ma tuý, nghiện rượu và tội phạm. Những người nhập cư, dân tộc thiểu số và người có HIV/AIDS được chấp nhận nhiều hơn so với nhóm thứ nhất, song mức độ khoan dung vẫn còn hạn chế[53]. SAG không tin rằng mức độ khoan dung là cao trong xã hội dân sự, và cũng có những "thế lực kém phần khoan dung" như xã hội đen, các đường dây ma tuý, buôn bán phụ nữ, mại dâm, v.v...

Bình đẳng giới được thảo luận về tỷ lệ lãnh đạo là phụ nữ trong xã hội dân sự. Số liệu thống kê cho thấy rằng phụ nữ chiếm khoảng 30% số người lãnh đạo ở các CSO, tỷ lệ này không phải là thấp lắm nếu so sánh tương

[53] Theo các phát hiện của VWS Việt Nam

đối nhưng cũng chưa thể hiện sự bình đẳng. Việc thực hiện bình đẳng giới trong phạm vi các tổ chức là một chủ đề tranh luận sôi nổi và có rất ít bằng chứng để lấy làm cơ sở. Các thành viên nữ của SAG đánh giá việc thực hành bình đẳng giới theo hướng tiêu cực hơn so với các thành viên nam và cuộc thảo luận cho thấy rằng đây là một vấn đề vẫn chưa được xử lý trong phạm vi các tổ chức. Mặt khác có sự nhất trí rộng rãi rằng bình đẳng giới, được nhìn nhận như một giá trị, được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các tổ chức xã hội dân sự cũng như toàn thể xã hội.

Nhóm SAG cho điểm cao nhất đối với sự hỗ trợ của xã hội cho công tác *giảm nghèo,* thậm chí trong chừng mực xã hội dân sự được coi là nằm trong số những động lực thúc đẩy vấn đề này, mặc dù một số thành viên nhận thấy rằng nhà nước vẫn là lực lượng *chính* thực hiện những nỗ lực giảm nghèo. Trong lĩnh vực môi trường, đánh giá về xã hội dân sự khá thấp mặc dù trong những năm gần đây, chủ đề này ngày càng được quan tâm nhiều hơn.

Bức tranh tổng thể dựa trên đánh giá của SAG cho thấy rằng những giá trị của xã hội dân sự có những mặt yếu và mặt mạnh. Việc xoá nghèo và xây dựng hoà bình là những giá trị mạnh; bình đẳng giới và sự khoan dung được thúc đẩy khá mạnh mẽ; nhưng tính minh bạch và bền vững về môi trường chưa được thúc đẩy mạnh mẽ như vậy trong xã hội dân sự. Khó đánh giá các giá trị dân chủ bởi vì thiếu một định nghĩa thống nhất, nhưng nhìn chung, các giá trị đó chưa được thúc đẩy mạnh mẽ trong xã hội. “Tham gia” là thuật ngữ dễ chấp nhận hơn “dân chủ” để mô tả sự gia tăng tham gia của người dân vào các hoạt động của xã hội dân sự.

Các *giá trị* (điểm:1,7) của xã hội dân sự có những đặc điểm như sự tham gia làm từ thiện, công tác tình nguyện, hoà bình, và mức độ khá cao về lòng tin và ý thức trong phạm vi các CSO, mặc dù có sự xói mòn các giá trị truyền thống trong toàn thể xã hội do quá trình hiện đại hoá mang lại. Mặt khác, một số giá trị cũng không được thực thi và thúc đẩy bởi các CSO như tính minh bạch và dân chủ, cả hai giá trị này sẽ trở thành quan trọng nếu các tổ chức trở nên mạnh hơn và được lòng tin hơn trong xã hội. Khoan dung nằm ở mức trung bình nhưng các tổ chức xã hội dân sự mạnh mẽ thúc đẩy giá trị này hơn là thực thi. Sự tham gia được duy trì phổ biến hơn và được xem như một dạng dân chủ.

3.4. Tác động của Xã hội Dân sự

Tác động của xã hội dân sự nhận được điểm thấp nhất trong số 4 bình diện được nhóm SAG khảo sát trong đánh giá CSI. Các vấn đề được thảo luận bao gồm: ảnh hưởng đến chính sách, duy trì trách nhiệm giải trình của khu vực tư nhân và nhà nước, đáp ứng những mối quan tâm của xã hội trao quyền cho công dân và đáp ứng các nhu cầu xã hội.

3.4.1. Dữ liệu cho bình diện tác động được dựa trên dữ liệu tổng quát và nghiên cứu điển hình

Dữ liệu về bình diện tác động tương đối yếu, cũng như trong trường hợp bình diện giá trị. Dễ dàng theo dõi những bước phát triển chung trong nước thông qua những đánh giá hiện trạng nghèo và các khảo sát về mức sống, nhưng sẽ khó khăn hơn khi đánh giá mức độ ảnh hưởng của xã hội dân sự đối với các chính sách của quốc gia, hoặc mức độ hỗ trợ các mục tiêu xã hội trên thực tế, hoặc mức độ trao quyền cho công dân. Về bình diện này, các nguồn thông tin được sử dụng bao gồm các nghiên cứu điển hình và các báo cáo của chính phủ, các nhà tài trợ, các NGO quốc tế, NGO Việt Nam và các nhà nghiên cứu.

3.4.2. Đánh giá của nhóm SAG nhấn mạnh tác động đối với giảm nghèo

Tác động của xã hội dân sự đối với vấn đề nhân quyền đã được thảo luận, tính đến một định nghĩa khác về nhân quyền ở Việt Nam đối lập với Phương Tây. Đó là một vấn đề “nhạy cảm” ở Việt Nam và nhìn chung xã hội dân sự không tham gia vào việc ủng hộ nhân quyền. Tuy nhiên, nếu định nghĩa đó cũng bao gồm các quyền lợi kinh tế và xã hội thì xã hội dân sự rất tích cực trong lĩnh vực này. Mặc dù vậy điểm số cho chỉ số này cũng khá thấp. Tác động của xã hội dân sự đối với các chính sách xã hội cũng được đánh giá rất thấp.

Liệu xã hội dân sự có duy trì trách nhiệm giải trình của các công ty tư nhân? Nhìn chung tác động của xã hội dân sự được đánh giá thấp về khía cạnh duy trì trách nhiệm giải trình của nhà nước. Về tác động đối với khu

vực tư nhân, đánh giá là gần như bằng không. Mặt khác, trong trường hợp khu vực tư nhân, báo cáo CSI chỉ ra một con số đang gia tăng về các vụ đình công ở các doanh nghiệp do nước ngoài đầu tư, nơi người lao động đã thành công trong việc cải thiện điều kiện làm việc.

"Đáp ứng mối quan tâm của xã hội" bao gồm hai chỉ số. Chỉ số thứ nhất là về mức độ hiệu quả của xã hội dân sự trong việc đáp ứng những quyền lợi xã hội được ưu tiên cao. Nhóm SAG cho điểm chỉ số này một cách khá tiêu cực. Trái lại, mức độ lòng tin đặt vào các CSO được cho điểm rất cao, dựa trên bằng chứng từ khảo sát WVS. Trong trường hợp này, các tổ chức quần chúng có mức độ lòng tin cao nhất.

Sự trao quyền cho công dân là một chỉ số được SAG đánh giá một cách tích cực. Chỉ số này liên quan đến việc đánh giá các hoạt động của xã hội dân sự và những thành công trong lĩnh vực tuyên truyền và giáo dục công dân về những vấn đề công. Chắc chắn một điều rằng tất cả các loại hình tổ chức CSO đều tích cực về vấn đề này. Một đánh giá khá tích cực cũng được thực hiện về vai trò của xã hội dân sự trong việc tăng cường năng lực của người dân để tự tổ chức và kiểm soát nhiều hơn nữa đến các quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ cũng như huy động các nguồn lực để giải quyết các vấn đề chung. Thông thường những đề xướng thuộc loại này diễn ra với sự hỗ trợ của các NGO quốc tế nhưng được thực hiện bởi các tổ chức quần chúng hoặc các NGO Việt Nam. Về vấn đề liệu xã hội dân sự có trao quyền cho những người dân kém vị thế trong xã hội chẳng hạn các dân tộc thiểu số, SAG còn hoài nghi hơn về điều này và cho điểm trung bình; mặt khác, theo SAG, phụ nữ là nhóm nòng cốt đang được các CSO trao quyền.

Một điều gây tranh cãi là xã hội dân sự có khả năng đáp ứng các nhu cầu xã hội ở mức độ nào. SAG đã thảo luận phải chăng các tổ chức xã hội dân sự đang vận động hành lang đối với nhà nước để cung cấp dịch vụ. Nhóm kết luận rằng việc này diễn ra ở mức độ không cao lắm bởi vì ý tưởng vận động hành lang chưa phải là phổ biến ở Việt Nam. Trong quá trình "xã hội hoá", xã hội dân sự có lẽ nhận được nhiều ảnh hưởng hơn trong các lĩnh vực y tế và giáo dục vì phải đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn. SAG cũng thảo luận phải chăng xã hội dân sự đáp ứng những nhu cầu xã hội một cách trực tiếp, nhưng thực sự nhận thấy rằng ảnh hưởng của xã hội dân sự không quan trọng lắm so với các chương trình của chính phủ. Xã hội dân sự được đánh giá là có ảnh hưởng nhiều hơn đôi chút đến những nhóm kém vị thế trong xã hội so với chính phủ. Điểm tổng cho chỉ số này ở mức trung bình.

Tác động tổng thể của xã hội dân sự được nhóm SAG đánh giá là khá thấp (điểm:1,2). Đã xác định được tác động đáng kể đối với công tác giảm nghèo và trao quyền cho công dân. Tuy nhiên, hiện tại xã hội dân sự không có tác động mạnh đến các chính sách xã hội. Điều này có lẽ vì hai lý do, thứ nhất, nhà nước vẫn được xem là động lực thúc đẩy công tác hoạch định và thực hiện chính sách, thứ hai, thiếu một môi trường thuận lợi. Mặt khác, vì không có nghiên cứu tổng quát nào làm cơ sở nên điểm thấp cũng có thể là do thiếu kiến thức chuyên sâu trong số các thành viên của SAG và Nhóm Quốc gia nghiên cứu về các hoạt động và tác động của xã hội dân sự.

3.5. Hình thoi Xã hội Dân sự

Nhóm đánh giá các bên liên quan (SAG) cho điểm tổng 4 bình diện của kết quả nghiên cứu CSI ở Việt Nam có thể trình bày bằng một hình tứ diện, "hình thoi xã hội dân sự". Hình thoi cho Việt Nam có kích thước thuộc loại nhỏ-đến-trung bình (Hình.2).

1) *Cấu trúc* của xã hội dân sự được điểm 1,6 theo thang điểm từ 0 đến 3, cho thấy rằng đời sống tổ chức và các tổ chức là đáng kể nhưng họ cũng gặp tương đối nhiều khó khăn. 2) *Môi trường chính trị-xã hội* được cho điểm dưới trung bình 1.4, tuy nhiên hình này cho thấy rằng *có một chút* không gian cho các tổ chức. 3) Các *giá trị* của xã hội dân sự và việc đề cao các giá trị đó được đánh giá ở mức cao hơn trung bình với điểm số 1,7. Điểm số cao nhất trong số 4 bình diện, điểm số này phản ánh một số giá trị tích cực mạnh mẽ (phi bạo lực, xoá nghèo, thúc đẩy bình đẳng giới) và các hoạt động của xã hội dân sự, cũng như một số lĩnh vực còn yếu (thiếu minh bạch về cả thực hiện và đề cao giá trị trong xã hội). Cuối cùng, 4) *tác động* của xã hội dân sự được 1,2 điểm, một điểm số khá thấp, phản ánh đánh giá của SAG rằng các hoạt động của xã hội dân sự có mức độ ảnh hưởng bình thường.

Hình 2. Hình thoi Xã hội Dân sự cho Việt Nam

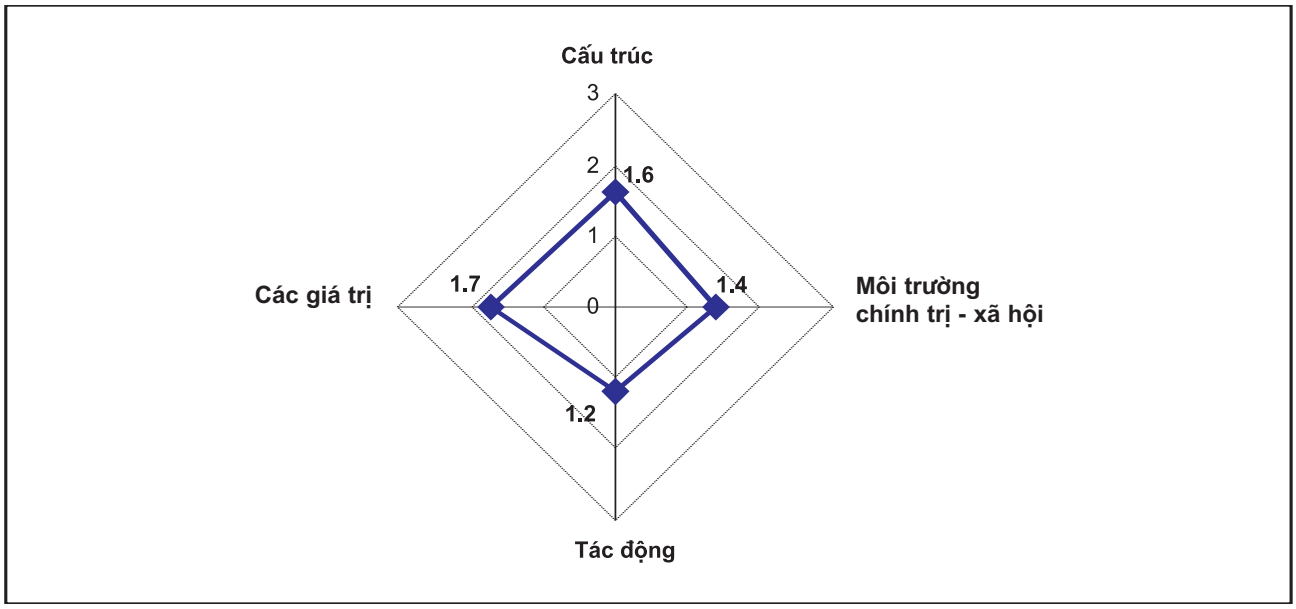

Đánh giá của nhóm SAG phản ánh thông tin hiện có về xã hội dân sự và các ý kiến chính tắc về cách cảm nhận của các bên liên quan sở tại về tình hình ở Việt Nam, kết hợp với các minh chứng từ dữ liệu ở Việt Nam và các đánh giá quốc tế. Hình thoi thể hiện một bức tranh rộng về hiện trạng của xã hội dân sự ở Việt Nam ngày nay, phản ánh các điểm mạnh và điểm yếu của xã hội này. Các cuộc họp và điểm số của SAG thực sự đem lại một đánh giá khá tích cực về hiện trạng xã hội dân sự ở Việt Nam và khả năng đối thoại với chính phủ.

Một trong những kết luận về phương pháp luận CSI-SAT cho thấy phương pháp luận này là công cụ để phác họa xã hội dân sự Việt Nam và cung cấp một cơ sở để bắt đầu một cuộc thảo luận về các khả năng đẩy mạnh xã hội dân sự. Phương pháp luận này có một số điểm yếu như mọi phương pháp định tính khác, đáng chú ý là thiếu chi tiết. SAG là một nhóm nhỏ nhưng về mặt phương pháp luận xã hội học, phải nói là đã tạo nên một thế giới vi mô cho việc nghiên cứu bức tranh lớn hơn. Chỉ có điều SAG vẫn chưa đại diện cho các nhóm kém vị thế trong xã hội trong khi các nhóm người này gặp rất nhiều khó khăn trong việc đại diện cho chính họ ở một diễn đàn như SAG. Hơn nữa, rõ ràng là cần phải có những nghiên cứu chuyên sâu về các hoạt động tổ chức và tác động của các CSO. Điều thực sự đáng ghi nhận là nghiên cứu CSI đã giúp mở cửa bước vào sự hiểu biết liên văn hoá bao gồm những cách diễn giải khác nhau về những vấn đề cốt lõi của xã hội dân sự ở Việt Nam.

4. Kết luận

Xã hội dân sự được định nghĩa trong tài liệu này là "vũ đài bên ngoài gia đình, nhà nước và thị trường và là nơi mà người dân tụ hợp lại với nhau để thúc đẩy những quyền lợi chung". Định nghĩa này chỉ đúng với Việt Nam với một thực tế là ranh giới giữa nhà nước và xã hội dân sự là rất không rõ ràng. Người ta lập luận rằng nếu xét trong bối cảnh toàn diện của xã hội dân sự, tất cả các tổ chức phải được coi là một bộ phận của xã hội dân sự, các tổ chức này bao gồm cả các tổ chức quần chúng, mô hình tổ chức phổ biến nhất, ở tất cả các cấp và tại hầu hết các địa phương (đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Nông dân). Các tổ chức này triển khai các chiến dịch do nhà nước khởi xướng, nhưng họ cũng thực hiện hàng ngàn dự án và chương trình tín dụng cho người nghèo, và các chi nhánh cơ sở của các tổ chức quần chúng này có mức độ độc lập đáng kể để đáp ứng được các nhu cầu của cộng đồng. Thứ hai, có các hiệp hội nghề nghiệp tập hợp những người có cùng lợi ích nghề nghiệp trong nhiều lĩnh vực tại hầu hết các tỉnh thành. Thứ ba, các NGO Việt Nam, đa số là có trụ sở tại các thành phố nhưng lại thực hiện các dự án tập trung hơn vào một vài lĩnh vực trên toàn quốc và thường trú trọng vào các dự án về phát triển, giới, y tế và phát triển cộng đồng. Cuối cùng, các CBO đang phát triển nhanh chóng, trú trọng vào các dịch vụ dân sinh ở cấp cơ sở tại nhiều tỉnh thành. Sự vững mạnh của xã hội dân sự được thể hiện qua việc gia tăng về số lượng và tính đa dạng của các tổ chức xã hội dân sự ở các cấp, sự tham gia tích cực vào các Đánh giá Nhiều bên của hàng ngàn dự án trên cả nước và các cuộc thảo luận công khai trên báo chí.[54]

Đối với các tổ chức chính thống hơn thì vai trò của nhà nước là tối quan trọng, vì chính nhà nước thiết lập khuôn khổ chính thức cho các tổ chức này. Nếu như các tổ chức quần chúng có quy mô lớn nhất từ trước đến nay, thì hiện nay số lượng các tổ chức dân sự thậm chí còn lớn hơn và rộng hơn về hoạt động, và đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát của nhà nước. Tuy nhiên, hiện có thể chưa thích hợp khi gọi các tổ chức này là "tự quản", vì vẫn có sự liên kết và sự chồng chéo về đặc tính hoạt động với các tổ chức được nhà nước bảo trợ. Nhà nước không cấm các tổ chức, điều này được minh chứng bằng số lượng lớn các hội viên. Mặt khác, nhà nước tham gia vào việc lãnh đạo của Đảng nhiều hơn là trong xã hội dân sự. Dự thảo Luật về Hội đã cho thấy nhà nước vẫn đang cân nhắc việc "quản lý" xã hội dân sự, điều này ngược với tính chất của hội và tổ chức là dựa trên các sáng kiến của nhân dân.

Cho dù có sự chồng chéo giữa nhà nước, Đảng và xã hội dân sự tại Việt nam, động lực của xã hội dân sự không thể được hiểu một cách đơn giản là vì nhà nước *chống lại* xã hội dân sự. Đã có nhiều thay đổi liên quan đến các hoạt động trong phạm vi của nhà nước. Tuy nhiên, cũng có các hoạt động diễn ra bên ngoài hoặc, ít nhất là tại phần rìa ngoài phạm vi của nhà nước, trong các nhóm được hình thành ở cấp cơ sở - thậm chí là cả trong các tổ chức quần chúng. Các nhóm này gồm các nhóm tôn giáo, nhóm dân tộc thiểu số, các nhóm văn hoá nghệ thuật và các hình thức khác nhau của hoạt động dân sinh. Điều này hoàn toàn khác với ý tưởng về các dự án của CSI, trong đó tính tự chủ là điều quan trọng đối với các hội.

Các *nhược điểm* của xã hội dân sự và đời sống của hội trước hết là liên quan đến khuôn khổ của hội, khuôn khổ này vẫn hạn chế tiềm năng của xã hội dân sự trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ và thậm chí là sự ủng hộ để duy trì trách nhiệm giải trình của nhà nước và khu vực tư nhân và tăng cường sự minh bạch và chống tham nhũng. Hiện nay, khuôn khổ pháp lý chưa tạo điều kiện cho việc thành lập các tổ chức mới và mạng lưới.

Thứ hai, các tổ chức có các đặc điểm khác nhau và phát sinh trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, dẫn đến các vai trò cũng như truyền thống khác nhau về cơ cấu và hoạt động. Vai trò của các tổ chức quần chúng với tư cách là các bộ phận kinh tế xã hội của Đảng đã thay đổi để bao gồm cả việc cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, các tổ chức này cũng không thay đổi nhiều về cơ cấu nội bộ để thích ứng với các vai trò mới của họ; các tổ chức quần chúng vẫn cần nâng cao năng lực để thực hiện các chương trình của mình. Việc quản lý và thành lập các hiệp hội nghề nghiệp ít được chú ý đến so với các loại hình tổ chức khác, nhưng lại có tiềm năng được chủ động tuyển dụng tình nguyện viên một cách trực tiếp. NGO Việt Nam xuất hiện muộn hơn vì nhiều lý do, một số là để từ thiện, một số là để tuyển dụng, nhưng chủ yếu là nhằm mục đích hỗ trợ người nghèo và những người có hoàn cảnh khó khăn. Các tổ chức này cũng cần nâng cao năng lực để trở thành các đối tác đáng tin cậy để cộng tác với chính phủ và các nhà tài trợ.

[54] Dự thảo Luật về Hội là một trong những ví dụ mới nhất. Luật này mở ra các cuộc trao đổi công khai trên phương tiện truyền thông, các cuộc họp và các ý kiến đóng góp gửi cho Bộ Nội vụ và Quốc hội.

Thứ ba, các tổ chức đều có tổ chức bảo trợ, nhưng những tổ chức này nhìn chung là yếu và không hỗ trợ đủ cho các hoạt động của nhiều tổ chức khác nhau. Mạng lưới nhìn chung còn yếu kém và các nhóm dễ bị tổn thương như dân tộc thiểu số hiện tại không có mạng lưới hoạt động. Một trường hợp ngoại lệ là VUSTA, cơ quan này đã rất tích cực tổ chức các cuộc hội thảo và đào tạo cho các NGO Việt Nam và đã bắt đầu nắm vai trò ủng hộ, điều này được thừa nhận qua dự thảo Luật về Hội.

Thứ tư, vẫn còn nhiều vấn đề cần phải được giải quyết một cách tích cực hơn. Ở chừng mực nào đó, người ta đang hy vọng rất nhiều vào việc nhà nước nên thực hiện các hành động nhằm hỗ trợ những người dân gặp khó khăn. Bộ máy chính quyền thường miễn cưỡng khuyến khích các tổ chức phi chính phủ tham gia vào các hoạt động trong nước. Khu vực tư nhân thì không tham gia tích cực vào hoạt động từ thiện hoặc trách nhiệm doanh nghiệp. Các giá trị khác có các tác động tiêu cực đến xã hội dân sự. Sự khoan dung không được đánh giá cao và ý thức còn ở mức độ trung bình, điều này tạo kẽ hở cho tham nhũng, một trong những vấn đề nan giải tại Việt Nam hiện nay. Những vấn đề này cần phải được đem ra trao đổi một cách công khai hơn.

Kể từ khi bắt đầu *đổi mới* và đặc biệt là từ khi nền kinh tế phát triển nhanh cùng với các thay đổi về xã hội trong thập kỷ qua, chính phủ đã phải đối mặt với các vấn đề xã hội gia tăng cùng với phát triển và tăng dân số. Các vấn đề mới nổi lên đặt ra nhiều thách thức mới đối với chính phủ; còn chính phủ thì chưa được trang bị đầy đủ để tự thực hiện các nhiệm vụ này. Chính phủ chú trọng vào hỗ trợ cơ sở hạ tầng của bệnh viện và trường học, với các chiến dịch quốc gia để kiểm soát bệnh dịch và cung cấp dịch vụ cho trẻ em nghèo. Hệ thống y tế của Việt Nam chưa phát triển tốt, và với việc áp dụng các chính sách "xã hội hoá", chính phủ không thể hoặc không sẵn sàng tự mình gánh tránh nhiệm cải thiện các dịch vụ xã hội. Xã hội dân sự có thể giúp nhận biết và xác định các vấn đề, và có thể giúp cung cấp các dịch vụ cần thiết. Xã hội dân sự có thể giúp đỡ một cách hiệu quả hơn khi có những nhu cầu thiết yếu hỗ trợ người nghèo, những người ốm yếu, những người tàn tật hoặc những người ít được tiếp cận hỗ trợ xã hội, chẳng hạn như ở các khu vực nông thôn. Ở thành phố, có rất nhiều vấn đề mới đối với trẻ em đường phố, nạn mại dâm, buôn bán trẻ em và phụ nữ, HIV/AIDS và nạn nghiện hút. Có những cách biệt và nhu cầu mà xã hội công dân có thể thu hẹp và đáp ứng được còn nhà nước thì không thể bao quát hết. Do đó, nhu cầu cần phải được nhận biết, và xã hội dân sự phải tham gia tích cực hơn để xác định nhu cầu và hỗ trợ cho những nơi có nhu cầu lớn nhất. Bằng việc tạo cho xã hội dân sự một tiếng nói rõ ràng hơn trong mọi khía cạnh của cuộc sống, không chỉ trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ mà còn trong việc nâng cao năng lực và các hoạt động ủng hộ ở các cấp, một quốc gia sẽ đạt được sự phát triển kinh tế và xã hội đồng đều hơn. Ngoài ra, xã hội dân sự có một vai trò tiềm tàng rất quan trọng trong việc tăng cường tính minh bạch và chống tham nhũng.

Sức mạnh của xã hội dân sự là tính chất đa dạng dựa trên hoạt động và tính sáng tạo của con người. Việt Nam vẫn là một nước nghèo và phải đối mặt với nhiều rào cản để vượt qua đói nghèo và sự bất bình đẳng đang gia tăng. Việt Nam cũng phải phát huy hết tiềm năng kinh tế xã hội và giải phóng tiềm năng con người để giúp đỡ những người bất hạnh. Trong khi đó, nhà nước có thể hỗ trợ và khuyến khích xã hội dân sự thông qua nhiều hình thức hợp tác khác nhau. Nhà nước là người có trách nhiệm sau cùng đối với người dân bằng cách đảm bảo giải quyết các thách thức mới theo cách mà có thể giúp tăng cường phúc lợi cho nhân dân, nhưng nhà nước có thể phối hợp với xã hội dân sự, và xã hội dân sự cũng có thể đóng góp bằng cách tăng cường trách nhiệm giải trình của nhà nước.

5. Củng cố các tổ chức xã hội dân sự Việt Nam: Những khuyến nghị về Chính sách đối với Chính phủ, các Nhà tài trợ và Xã hội Dân sự

Xã hội dân sự không thể được tổ chức hoặc lãnh đạo bởi ai khác; tuy nhiên, một môi trường thuận lợi và hỗ trợ nâng cao năng lực là các điều kiện tiên quyết. Do đó, khi chính phủ cần tạo chỗ đứng cho một xã hội dân sự độc lập thông qua các thay đổi về khung pháp lý, xã hội dân sự cần đóng một vai trò tích cực trong việc xác định những chiến lược tốt nhất của mình nhằm thực hiện các đóng góp tích cực. Xã hội dân sự phải đánh giá các cơ hội được tạo ra bởi khung pháp lý của chính phủ và các nhân tố phát triển quốc tế mang tính hỗ trợ. Các nhà tài trợ và NGO quốc tế cần hỗ trợ nhiều hơn để củng cố năng lực của xã hội dân sự thông qua việc tài trợ nghiên cứu và phát triển. Các nhà tài trợ cần coi xã hội dân sự như là một nguồn đối tác thực sự, và họ cần phải có sẵn nguồn tài trợ cho những tổ chức mới được thành lập để giúp họ củng cố tổ chức của mình hơn là giao cho các tổ chức này các hợp đồng cung cấp dịch vụ. Có thể xác định năm lĩnh vực cơ bản sau đây có thể được củng cố:

1. *Cải thiện môi trường xã hội, pháp lý và kinh tế cho các tổ chức xã hội, hội và phong trào của Việt Nam.* Các hạn chế đối với xã hội dân sự bao gồm cả khung pháp lý hạn hẹp đối với sự thành lập và hoạt động của các tổ chức và mạng lưới, và nhu cầu về một môi trường công cộng được cải thiện cho công dân và các tổ chức nói chung và đối với hoạt động ủng hộ nói riêng. Các phong trào xã hội cần phải có không gian lớn hơn để hoạt động và thực hiện hoạt động mang tính chất vận động.

2. *Tăng cường năng lực của các tổ chức xã hội và mạng lưới Việt Nam.* Các tổ chức phải coi việc thay đổi nội bộ về cơ cấu, trách nhiệm giải trình và sự minh bạch là cách thức để trở nên vững mạnh và đáng tin cậy hơn dưới con mắt của công chúng cũng như các tổ chức khác. Họ cần phải nâng cao năng lực cho các nhân viên và tạo điều kiện làm việc phù hợp. Một số tổ chức xã hội dân sự có ngân sách rất hạn hẹp vì hầu hết các nguồn tài trợ đều đổ về một số ít các tổ chức lớn. Việc tham gia vào các mạng lưới là một cách thức quan trọng để các tổ chức nâng cao năng lực và rút ra được nhiều kinh nghiệm.

3. *Tập trung và củng cố mạng lưới hiệu quả của các CSO.* Các mạng lưới giữa các tổ chức có cùng loại hình và giữa các tổ chức có loại hình khác nhau cần phải được củng cố và nâng cấp. Các mạng lưới là chất keo gắn làm vững mạnh tổ chức, thông qua việc phổ biến thông tin và kiến thức và tạo tiếng nói cho các tổ chức trong các hoạt động xã hội dân sự và duy trì trách nhiệm giải trình của nhà nước và khu vực tư nhân. Các tổ chức lớn có bộ máy hành chính lớn, họ phải tạo điều kiện truyền tải luồng thông tin và kiến thức xuống các cấp thấp hơn và họ phải thể chế hoá sự hợp tác với các tổ chức khác.

4. *Tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân.* Cần phải khuyến khích sự tham gia nhiều hơn nữa của khu vực tư nhân với các hoạt động từ thiện và phát triển. Sự hợp tác này đã có, nhưng các nghiên cứu của CSI cho thấy xã hội dân sự còn hiểu rất ít về các hoạt động của khu vực tư nhân và do đó ít gắn kết với khối này. Khu vực kinh doanh quy mô nhỏ có thể chồng chéo với nhóm các hợp tác xã và CBO, nhưng các công ty lớn có thể đóng góp nhiều hơn cho hoạt động từ thiện và phát triển thông qua các biện pháp trách nhiệm doanh nghiệp.

5. *Nâng cao năng lực cho và thực hiện các nghiên cứu và đánh giá về hoạt động của CSO.* Sự hiểu biết về các hoạt động của xã hội dân sự còn hạn chế. Phác họa của CSI về xã hội dân sự có khả năng xác định một số lượng lớn các tổ chức và hoạt động, nhưng vẫn còn là một nghiên cứu khái quát và vẫn cần có nhiều báo cáo chi tiết hơn của hàng ngàn tổ chức về các mục tiêu và hoạt động, cũng như tổ chức, thành viên và tác động của họ.

5.1. Quỹ tăng cường năng lực

Những năm gần đây, các hình thức tài trợ và thể thức hỗ trợ phát triển xã hội dân sự đã phát triển ở Châu Á, cũng như ở các đại lục khác, với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế, chính phủ, NGO quốc tế, khu vực tư nhân và các quỹ tài trợ cá nhân. Nhiều mô hình đã được thiết lập hoặc đang được thử nghiệm ở các quốc gia như: Trung Quốc, Ấn Độ, Algeria, Ai Cập và Đông Âu. Một vấn đề hiện nay ở Việt Nam là việc thiếu sự gắn kết giữa các nguồn tài trợ riêng lẻ của các nhà tài trợ đa phương, song phương và NGO quốc tế để hỗ trợ các CSO. Cần phải lập ra một quỹ chung nhằm mục đích điều phối tốt hơn giữa các nhà tài trợ.

Theo cam kết từ Hà Nội về hiệu quả viện trợ và nhằm mục đích hài hoà hoá và tăng cường tính minh bạch, các nỗ lực của các nhà tài trợ song phương đa phương, NGO quốc tế và khu vực tư nhân có thể được điều phối nếu như họ đồng ý phối hợp tài trợ và các nỗ lực hỗ trợ phát triển khu vực phi lợi nhuận.

Mục đích của Quỹ tăng cường năng lực (CDF) phải là hỗ trợ xã hội dân sự và sự tham gia của người dân để giúp xoá nghèo và tăng cường sự công bằng. Nhiệm vụ của quỹ có thể là hỗ trợ các tổ chức xã hội công dân thông qua việc nâng cao năng lực trong nhiều lĩnh vực. Mục tiêu của quỹ phải phù hợp và được chính phủ chấp thuận nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển các CSO thành các tổ chức có tính minh bạch và giải trình trách nhiệm. Quỹ tăng cường năng lực sẽ tạo điều kiện cho các nhà tài trợ và các CSO đối phó với những thách thức đang gặp phải trong việc phát triển xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay. Quan điểm về một CDF đã được bàn luận thêm tại Hội thảo với sự tham gia của các bên liên quan về chủ đề "Tăng cường Năng lực và Thúc đẩy Sự tham gia của các NGO cho công cuộc Phát triển Kinh tế - Xã hội ở Việt Nam" được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 9/11/2006. Xem phụ lục 1.

Các kiến nghị đối với Chính phủ, các nhà tài trợ/các NGO quốc tế (INGO) và tổ chức CSO để hỗ trợ sự phát triển của xã hội dân sự ở Việt nam:

Đối với Chính phủ

Chính phủ cần cải thiện môi trường xã hội chính trị để củng cố xã hội dân sự. Chính phủ phải đảm bảo có được một môi trường pháp lý hỗ trợ sự phát triển và hoạt động của các tổ chức bằng cách tinh giản các thủ tục hành chính. Hiên nay, dự thảo Luật về Hội vẫn đề xuất các thủ tục khá phức tạp. Ví dụ như các cuộc hội họp của nhân dân không nên bị hạn chế và các mạng lưới cần được hỗ trợ nhiều hơn.

Chính phủ cần đảm bảo đối xử bình đẳng hơn đối với các tổ chức xã hội dân sự. Các tổ chức quần chúng được hưởng chế độ ưu đãi về tài chính từ nhà nước, điều này có thể được lý giải là do các trách nhiệm quan trọng của họ. Tuy nhiên, các NGO Việt Nam vẫn còn ít được tiếp cận với nguồn lực của nhà nước và ít có khả năng tiếp cận được với nhà nước, vì Chính phủ chưa hoàn toàn chấp nhận họ là các đối tác trong công cuộc phát triển. Các cách thức hỗ trợ các CSO có thể bao gồm hỗ trợ chia sẻ thông tin, hỗ trợ cho sự phát triển của mạng lưới giữa các loại hình tổ chức khác nhau cũng như là việc mời các NGO Việt Nam (VNGO) tham gia vào các cuộc đối thoại quốc gia về các vấn đề phát triển. Việc mở trung tâm dữ liệu VUFO-NGO cho các VNGO và các tổ chức khác hoặc thành lập một trung tâm thông tin hoặc tổ chức/trung tâm thông tin tương tự cho các VNGO là một bước tiến rất có ý nghĩa.

Chính phủ nên minh bạch nguồn tài trợ từ các nhà tài trợ và các NGO quốc tế. Thông thường, các nguồn tài trợ này thường thông qua kênh của PACCOM, hoặc ít nhất là cũng phải được đăng ký với PACCOM. Tuy nhiên, thông tin về việc phân bổ các nguồn tài trợ này cho các tổ chức và dự án khác nhau thì không được công bố. Sự minh bạch sẽ khuyến khích phân bổ tốt hơn các nguồn tài trợ và giúp cho nguồn tài trợ của các nhà tài trợ và NGO quốc tế không bị chồng chéo.

Chính phủ nên khuyến khích khu vực tư nhân ủng hộ từ thiện và nên có trách nhiệm hơn về mặt xã hội. Việc khuyến khích làm từ thiện này có thể thông qua hình thức khuyến khích thuế cho khu vực tư nhân. Cần có nhiều cuộc đối thoại và các nghiên cứu để đánh giá mức độ tham gia và các cơ hội để nâng cao hoạt động từ thiện và trách nhiệm doanh nghiệp của khối tư nhân, một lĩnh vực mà Quỹ tăng cường năng lực có thể hỗ trợ.

Chính phủ nên khuyến khích các CSO tham gia vào việc thực hiện kế hoạch SEDP 2006-2010 và tạo các điều kiện cần thiết cho các CSO làm điều này. Cần phải đánh giá mức độ tham gia hiện nay của các CSO và xác định các yếu tố hạn chế hoặc hỗ trợ việc tham gia đó thông qua đối thoại với chính quyền địa phương.

Đối với các nhà tài trợ và NGO quốc tế (INGO)

Để củng cố xã hội dân sự, các nhà tài trợ và INGO nên khuyến khích các hoạt động đối thoại với Chính phủ về việc tạo dựng một môi trường thuận lợi cho các CSO, chẳng hạn như là thông qua dự thảo Luật về Hội cũng như các luật và quy định liên quan khác. Một điểm quan trọng là hỗ trợ cho CSO tiếp cận hơn nữa tới những vùng hẻo lánh và hỗ trợ cho các CSO tại các vùng hẻo lánh và dân tộc thiểu số. Ngoài ra, các nhà tài trợ và INGO có thể hỗ trợ việc tham gia của CSO và các mối quan hệ đối tác tầm quốc gia và trong ngành, đặc biệt là các NGO Việt Nam, tổ chức thường được xem là các đối tác nhưng lại ít khi được tham gia.

Các nhà tài trợ và INGO nên hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển tổ chức của bốn loại hình tổ chức thông qua đào tạo và đánh giá nhu cầu của tổ chức bằng cách đối thoại với các tổ chức. Điều này có thể bao gồm việc hỗ trợ các CSO tham gia vào các diễn đàn quốc tế, hỗ trợ các nghiên cứu về tổ chức xã hội dân sự và về các ảnh hưởng của sự hợp tác giữa nhà nước và CSO. Quỹ tăng cường năng lực được đề xuất ở trên có thể là một công cụ hữu ích giúp cho các hình thức hỗ trợ này.

Các nhà tài trợ và INGO nên hỗ trợ việc thiết lập mạng lưới CSO bằng cách cung cấp nhân sự, công tác đào tạo và các phương tiện tài chính cần thiết để phát triển nguồn thông tin qua lại giữa các tổ chức khác nhau, từ đó tăng cường sự hợp tác và điều phối giữa các tổ chức. Điều này cũng giúp cho xã hội dân sự tổ chức các cuộc họp về các vấn đề phát triển. Quỹ tăng cường năng lực có thể hỗ trợ những mạng lưới như thế này.

Các nhà tài trợ và INGO nên tận dụng các NGO Việt Nam nhiều hơn để thực hiện các chương trình phát triển.

Đối với xã hội dân sự Việt Nam

Các CSO nên tích cực hơn nữa trong việc tăng cường trách nhiệm giải trình, minh bạch và tính hợp pháp với tư cách là đại diện của nhân dân. Các tổ chức cũng nên đánh giá giá trị, cơ cấu tổ chức, môi trường và ảnh hưởng của họ. Điều này có thể liên quan đến việc xác định các lợi ích chiến lược và chuẩn bị các chiến lược nhằm nâng cao năng lực của tổ chức. Các CSO sẽ thu lợi từ việc ghi lại những kiến thức, thực tiễn và các đóng góp cho xã hội rồi thông báo lại thông tin này cho các bên liên quan khác. Những sáng kiến này cần phải phù hợp để nhận được sự hỗ trợ từ CDF.

Xã hội công dân nên tìm các cơ hội cộng tác với các INGO, các nhà tài trợ và nhà nước để đóng góp một cách hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các nguồn lực cần phải được huy động từ các nguồn lực trong nước và thông qua việc thu hút các cơ hội bên ngoài, chẳng hạn như các nhà tài trợ, INGO và nhà nước.

Các tổ chức xã hội dân sự nên xây dựng mối liên kết cụ thể đối với cộng đồng ở cấp cơ sở.

Xã hội dân sự nên sử dụng các cơ hội sẵn có để thiết lập một mạng lưới và sự hợp tác tốt hơn giữa các tổ chức. Điều này sẽ tạo thêm giá trị và kiến thức thông qua việc chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm hiệu quả hơn giữa các tổ chức, và tích cực hỗ trợ việc tham gia thực hiện SEDP.

Phụ lục 1: Hội Thảo Tăng cường năng lực và đẩy mạnh sự tham gia của các NGO vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Hà Nội, ngày 9 tháng 11 năm 2006

Những kết quả Nghiên cứu Chỉ số Xã hội Dân sự của CIVICUS được dự định sẽ trình bày tại một hội thảo toàn quốc sau khi kết quả của công trình nghiên cứu này được công bố vào tháng 5 năm 2006. Trong khi đó, qua tham vấn với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ Thuật Việt Nam (VUSTA) và Viện Nghiên cứu Phát triển Việt Nam (VIDS) đã đi đến quyết định tổ chức một Hội thảo lớn hơn với sự tham gia của nhiều bên liên quan nhằm mục đích không chỉ trình bày các kết quả nghiên cứu này mà còn mở rộng chủ đề thảo luận liên quan đến việc phát triển xã hội dân sự và NGO ở Việt Nam. Hội thảo này được tổ chức vào ngày 9 tháng 11 năm 2006 với sự hỗ trợ của UNDP, SNV và Đại Sứ quán Vương quốc Hà Lan tại Việt Nam.

Mục tiêu của Hội thảo nhằm:

1. Xác định những thách thức chính mà các tổ chức phi chính phủ phải đối mặt để đóng góp cho quá trình phát triển ở Việt Nam.

2. Thảo luận và xác định phương thức để các bên liên quan khác nhau hỗ trợ việc tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và các mạng lưới của họ, đồng thời tăng cường năng lực thể chế và tổ chức của các tổ chức này.

Hội thảo đã thu hút 160 đại biểu từ những thành phần xã hội khác nhau là các quan chức từ các cơ quan chính phủ, các viện nghiên cứu, các thành viên của VUSTA, các NGO Việt Nam và quốc tế, và các đại diện từ cộng đồng các nhà tài trợ.

Hội thảo này được khai mạc bởi Tiến sĩ Thăng Văn Phúc, Thứ trưởng Bộ Nội vụ (MOHA); Giáo sư Vũ Tuyên Hoàng, Chủ tịch VUSTA; ông Subinay Nandy, Phó Đại diện thường trú của UNDP; và ông Pieter de Baan, Giám đốc Quốc gia SNV tại Việt Nam. Hội thảo có phần trình bày hội tụ các quan điểm từ NGO Việt Nam (Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững và VUSTA), Chính phủ (Vụ NGO của MOHA), nghiên cứu về CSI của CIVICUS, Trung tâm Quốc tế về Luật Phi lợi nhuận của New Zealand, và Giám đốc Hiệp hội Hợp tác NGO Trung Quốc. Từ những góc độ khác nhau, mỗi tham luận đều đề cập đến những thách thức đặt ra cho các NGO khi tham gia vào quá trình phát triển và đưa ra những khuyến nghị về phương thức tăng cường hỗ trợ các NGO.

Trong suốt thời gian hội nghị đã có một sự đồng thuận rộng rãi rằng các NGO Việt Nam đóng vai trò quan trọng như những lực lượng hoạt động tăng cường cho Chính phủ và thị trường - đặc biệt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ. Phần tài sản quan trọng của các NGO Việt Nam là đội ngũ nhân viên, sự nhiệt tình và kinh nghiệm đa lĩnh vực, phương pháp làm việc có sự tham gia và các mạng lưới liên hiệp của họ. Tiềm năng đóng góp của các NGO Việt Nam còn rất lớn, mặc dù hiện nay các tổ chức này đang gặp phải một số thách thức.

Một trong những thách thức lớn là thiếu một khuôn khổ pháp lý toàn diện cho các hiệp hội và nhìn chung thiếu vốn hiểu biết về các nghị định, luật và các quy định của chính phủ cũng như việc nắm bắt những nơi có những tài liệu đó. Các tổ chức quần chúng chủ yếu dựa vào nhà nước trong khi các NGO Việt Nam gặp khó khăn về việc tiếp cận tài trợ. Cần nâng cao sự hiểu biết và tăng cường đối thoại giữa Chính phủ và các NGO thì Chính phủ mới có thể thu hút các NGO Việt Nam tham gia vào các dịch vụ xã hội. Cần phải phát triển thêm các diễn đàn đối thoại giữa Chính phủ và các NGO Việt Nam. Cũng cần thảo luận để đưa ra Luật về Hội nhằm đảm bảo thuận lợi hóa các thủ tục cho người dân thành lập các hiệp hội và tiếp nhận tài trợ từ những nguồn khác nhau. Hiện tại chỉ tồn tại một không gian pháp lý hạn chế cho sự tham gia của các NGO Việt Nam trong việc giám sát và đánh giá những chính sách của Chính phủ. Việc tăng cường chia sẻ thông tin, đối thoại và tính minh bạch giữa các cơ quan chính phủ và các NGO Việt Nam nằm trong số những khuyến nghị được đưa ra tại hội thảo.

Một nhóm thách thức khác nữa là về đặc trưng nội bộ của các NGO Việt Nam. Cần phải tăng cường năng lực tổ chức để các NGO Việt Nam có thể trở thành những đối tác có uy tín trên vũ đài phát triển. Những thách

thức mà các NGO Việt Nam phải đối mặt là chưa có một bản sắc và tầm ảnh hưởng rõ nét, điều này thường dẫn đến sự mơ hồ về tầm nhìn, chiến lược tham gia và định hướng tương lai của họ. Cũng vì vậy mà họ phụ thuộc nhiều vào yêu cầu từ bên ngoài - thường là từ các nhà tài trợ. Những điểm yếu này thường gây ra những vấn đề khó khăn trong mối quan hệ công việc, không chỉ đối với Chính phủ mà còn đối với các NGO quốc tế và các nhà tài trợ. Tuy vậy, các NGO quốc tế và các nhà tài trợ hiện nay vẫn là những cơ quan tài trợ chính cho các NGO Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phát triển.

Các khuyến nghị về phương thức giải quyết những thách thức về tổ chức nội bộ mà các NGO Việt Nam phải đối mặt bao gồm việc tăng cường năng lực tổng thể của các NGO Việt Nam, xây dựng những chiến lược dài hạn với tầm nhìn rõ ràng hơn, chú trọng và tập trung nhiều nỗ lực hơn nữa vào phát triển nguồn nhân lực, đồng thời học hỏi thông qua quá trình làm việc với mục đích kiến tạo những tổ chức dựa vào bản sắc, năng lực của chính mình và xây dựng các mối quan hệ đối tác bình đẳng. Việc thiết lập các mối liên kết giữa các NGO Việt Nam là một biện pháp quan trọng để các tổ chức đẩy mạnh sự hợp tác với nhau và có tiếng nói mạnh mẽ hơn đối với Chính phủ. Cũng đã có khuyến nghị về việc tạo nên một diễn đàn đối thoại với Chính phủ, thiết lập những diễn đàn tham vấn và một trung tâm nghiên cứu.

Tiếp cận thông tin và liên kết mạng lưới giữa các NGO Việt Nam và tăng cường đối thoại với Chính phủ được nhấn mạnh là những yếu tố bản lề cho sự phát triển của các NGO Việt Nam. Việc thiết lập thêm các mối liên kết hoặc mở ra các diễn đàn đối thoại có thể gia tăng hiệu quả hợp tác giữa các NGO Việt Nam đồng thời nâng cao sự hiểu biết và thiện cảm đối với các NGO Việt Nam của các quan chức Chính phủ. Điều này sẽ là một bàn đạp quan trọng trong nỗ lực phát triển xã hội dân sự như là cột trụ thứ 3 tại Việt Nam và như một động lực phát triển đất nước. Để duy trì cuộc đối thoại này cần phải có thêm nhiều hội nghị tập huấn và nghiên cứu, không những để cho Chính phủ hiểu biết thêm về các NGO Việt Nam mà còn mở ra những cơ hội hợp tác trong tương lai giữa hai bên.

Ý tưởng thiết lập một Quỹ Tăng Cường Năng Lực (CDF) cho các NGO dựa trên tài trợ mở rộng và điều phối tăng cường từ các nhà tài trợ đã được đón nhận và ủng hộ tích cực. Một quỹ có nhiều bên liên quan tham gia sẽ là phương thức để các NGO quốc tế và các nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ cho việc tăng cường năng lực cho các NGO Việt Nam - mở ra những cơ hội để có thêm các tổ chức nhận được tài trợ nhằm giải quyết những nhu cầu về tăng cường năng lực và tăng cường cơ cấu quản trị điều hành nội bộ của họ. Quỹ này sẽ tạo thuận lợi cho việc thiết lập và tăng cường các mối liên kết giữa các NGO Việt Nam và đối thoại giữa Chính phủ và các NGO Việt Nam. Các chi tiết liên quan đến việc làm thế nào để thiết lập quỹ Tăng Cường Năng Lực chưa được xác định cụ thể trong khuôn khổ hội thảo nhưng chắc chắn đó là một sáng kiến cần được tiếp tục nghiên cứu xem xét như là một phương thức để tăng cường và thúc đẩy sự tham gia của các NGO Việt Nam trong quá trình phát triển của đất nước.

Phụ lục 2: Các Thành viên của Nhóm Đánh giá các bên liên quan

1. Ông Nguyễn Hữu Tăng, Phó Chủ tịch, Hội Liên hiệp Khoa học Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA)
2. Bà Phạm Chi Lan, Chuyên viên Cao cấp, Ủy ban Nghiên cứu của Chính phủ
3. Bà Cao Thị Hồng Vân, Vụ trưởng, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
4. Ông Nguyễn Mạnh Huân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
5. Ông Nguyễn Quang Vinh, Viện Xã hội học, Viện Khoa học Xã hội Miền Nam (SISS), Thành phố Hồ Chí Minh
6. Ông Phạm Đăng Quyết, Chuyên viên Cao cấp, Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội (MOLISA)
7. Ông Bùi Đức Hải, Vụ trưởng, Viện Kinh tế học, SISS, Thành phố Hồ Chí Minh
8. Ông Hoàng Ngọc Giao, Phó giám đốc, Trung tâm Nghiên cứu Pháp luật và Dịch vụ (LERES), Trường Đại học Quốc gia Hà Nội
9. Bà Trần Thị Thu Hà, Chuyên viên cao cấp, Trung tâm Phát triển Nông thôn Khu vực Miền trung (CRD), Đại học Huế
10. Bà Trần Thị Chung, Giám đốc Chương trình, CIDSE, (hiện đã chuyển thành NGO trong nước với tên là Friends - Những người bạn)
11. Ông Nguyễn Thế Chiến, Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong Phát triển (CGFED)
12. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa, Điều phối Chương trình, Oxfam Great Britain, Hà Nội và Bà Trương Thị Huyên, Cán bộ Chương trình, Oxfam GB, Hà Nội

Phụ lục 3: Những Quy chế chính cho các Tổ chức từ 1990 tới 2005

Trong năm 1989, các Quy chế về các tổ chức quần chúng đã được đưa vào một Thông tư và một Chỉ thị (Thông tư 07, ngày 6/1/1989 của Ban Tổ chức Chính phủ (sau này là Bộ Nội Vụ - MOHA); và Chỉ thị 01 ngày 5/2/1989). Cùng năm 1989, Ban Điều phối Viện trợ Nhân dân (PACCOM), một tổ chức đặc biệt của Hội các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam (VUFO, một tổ chức thuộc Mặt trận Tổ quốc) được thành lập nhằm phối hợp với các NGO quốc tế (Chỉ thị 01 ngày 5/2/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng).

Năm 1992, Nghị định 35/HĐBT đã được Hội đồng Bộ trưởng ban hành, về việc "Thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ phi lợi nhuận", sau này đã trở thành khuôn khổ quan trọng nhất cho việc đăng ký các NGO Việt Nam, chủ yếu gồm các việc nghiên cứu và các tổ chức phi lợi nhuận (Nghị định 35/HDBT ngày 28/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng).

Bộ Luật Dân sự được ban hành năm 1995. Bộ Luật này đã được sử dụng như là khuôn khổ cho các nhóm nhỏ tại cấp cơ sở khi không có khuôn khổ quy định khác. Bộ Luật Dân sự được sửa đổi năm 2005 (Quốc hội, 28/10/1995).

Luật Hợp tác xã được ban hành năm 1996, là một khuôn khổ cho các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới sau khi rất nhiều hợp tác xã từ thời kỳ kế hoạch hoá tập trung bị giải thể. Luật này được sửa đổi năm 2003 (Luật 18/QH11, Quốc hội, ngày 26/11/2003).

Năm 1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về "các quy chế về hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam" (Quyết định số 340/TTg, ngày 24/5/1996), và tiếp đó trong cùng năm là những quy định hướng dẫn cho các NGO quốc tế (UB-PCPNN, ngày 7/8/1996). Năm 2001, Thủ tướng Chỉnh phủ ban hành các quyết định và quy chế về việc quản lý và sử dụng viện trợ từ các NGO quốc tế (Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 26/4/2001).

Năm 1998, các quy chế về tổ chức và hoạt động của các Hiệp hội nghề nghiệp được Bộ Chính trị phê duyệt bằng một thông báo (Thông báo 143/TB-TW, ngày 5/6/1998).

Nghị định Dân chủ Cơ sở được ban hành năm 1998 và được sửa đổi năm 2003 trong Nghị định 79, trong đó bao gồm quy định về vai trò của các tổ chức quần chúng ở cấp làng xã (Nghị định số 29/NĐ-CP, ngày 15/5/1998; và Nghị định 79/2003/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 7/6/2003).

Năm 1999, Nghị định 177 quy định về các Quỹ xã hội và Quỹ từ thiện đã được Thủ tướng Chỉnh phủ ban hành (Nghị định 177/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, ngày 22/12/1999).

Năm 2003, Nghị định 88 về tổ chức và hoạt động của các Hiệp hội của Thủ tướng Chính phủ và các Quy định hướng dẫn nghị định 88 của Bộ Nội vụ được ban hành. Trên nguyên tắc, Nghị định này mở đường cho Luật về Hội sắp được ban hành và đã được bắt đầu thảo luận từ đầu thập kỷ 1990. Nghị định này là một bước tiến tạo ra một khuôn khổ pháp lý, nhưng không thông thoáng trong việc thành lập các tổ chức, và hầu hết các NGO Việt Nam thường bám vào những quy định trước đó hơn. Ví dụ như yêu cầu của Nghị định này về số lượng người tham gia để có đủ điều kiện lập ra một tổ chức theo từng cấp (Nghị định 88/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, ngày 30/6/2003).

Năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 28 về tổ chức và hoạt động của các Định chế tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam. Nghị định này khuyến khích các chương trình tín dụng (Nghị định 28/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ , ngày 9/3/2005).

Năm 2006, Luật về Hội và Hiệp hội - dự thảo Luật được đưa ra thảo luận tại kỳ họp Quốc hội tháng 5.

Phụ lục 4: Phương pháp luận của CIVICUS

Cơ sở của việc bắt đầu dự án CIVICUS năm 1999 là việc thiếu một hiểu biết toàn diện về những biểu hiện trên thực tế của xã hội dân sự ở cấp toàn cầu, và những lỗ hổng trong các nghiên cứu về a) một công cụ phù hợp với bối cảnh các nước và có giá trị, để đánh giá hiện trạng của xã hội dân sự theo từng nước và b) một khuôn khổ và diễn đàn cho các chủ thể của xã hội dân sự tham gia và điều phối ở cấp quốc gia[55]. Một số nghiên cứu thí điểm đã được thực hiện để hoàn thiện phương pháp luận này.

Hầu hết các nước trong số 50 quốc gia tham gia vào giai đoạn hai của những nghiên cứu trong khoảng 2004 – 2006 đã tiến hành một đánh giá hoàn chỉnh, trên cơ sở dữ liệu sẵn có, bao gồm các cuộc họp cấp khu vực của những bên liên quan, điều tra về các hội và đoàn thể hiện đang tồn tại và một đánh giá về phương tiện thông tin đại chúng. Công cụ Đánh giá Ngắn gọn (SAT) chủ yếu được xây dựng dựa trên các số liệu thứ cấp, mặc dù có rất nhiều, nhưng không chi tiết cho tất cả chủ đề và thường không được sắp xếp có hệ thống và khó truy cập. Có chín nước đã thực hiện nghiên cứu CSI-SAT, trong đó bao gồm Việt Nam.

Phương pháp luận làm việc thực tế của CSI-SAT tập trung vào việc đánh giá xã hội dân sự trong đối thoại giữa phương pháp quốc gia và phương pháp quốc tế. Theo đó, một Nhóm Đánh giá Các bên liên quan (SAG) cấp quốc gia đã được thành lập gồm 12 thành viên, trước tiên là đại diện các bộ phận khác nhau của xã hội dân sự, và cũng bao gồm đại diện của Chính phủ và những nhà nghiên cứu chuyên môn trong lĩnh vực này. Một nhóm gồm 7 nhà nghiên cứu Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu theo các lĩnh vực được thiết kế trong giai đoạn đầu của dự án vào tháng 5 – 6 năm 2005, và Nhóm Thực hiện Quốc gia (có bao gồm một điều phối viên quốc gia và một chuyên gia xã hội dân sự quốc tế) đã đưa ra báo cáo trên cơ sở của phương pháp luận này cho nhóm SAG. Nhóm SAG nhóm họp lần đầu tiên vào tháng 5/2005 nhằm thảo luận về cách tiếp cập và phương pháp luận Chỉ số Xã hội Dân sự, và tính chất phù hợp khi ứng dụng vào Việt Nam. Vào buổi nhóm họp thứ hai tháng 9/2005, nhóm đã xây dựng được dự thảo báo cáo đầu tiên. Nhóm SAG đã chấm điểm cho xã hội dân sự của Việt Nam theo tập hợp những câu hỏi và phương án chấm điểm đã được xây dựng từ trước. Báo cáo này gồm nhiều nhận xét từ cả hai phía nội bộ Việt Nam và CIVICUS. Dự thảo này sau đó được phát triển thành một báo cáo quốc gia hoàn chỉnh đòi hỏi lượt chấm điểm thứ hai. Lần chấm điểm này được thực hiện vào buổi họp lần thứ 3 của nhóm SAG vào tháng 12/2005. Báo cáo cuối cùng dựa trên lần chấm điểm này, những số liệu thứ cấp của Việt Nam và những số liệu so sánh của quốc tế do CIVICUS giới thiệu. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là một cơ chế đối thoại với nhóm nghiên cứu CSI của CIVICUS tại Johannesburg đã đưa ra những phê bình sâu sắc mang tính xây dựng trong suốt quá trình thực hiện dự án này.

[55] Volkhart Finn Heinrich & Mahi Khallaf (2006) Đánh giá Xã hội Dân sự tại Đảo Síp và trên thế giới - Chỉ số Xã hội Dân sự. CIVICUS. Thông tin có tại: http://www.civicus.org/new/default.asp [truy cập ngày 25/5/2006]

Phụ lục 5: Các Tổ chức Xã hội Dân sự tại Việt Nam

Các CSO: những mối quan hệ với Nhà nước, cấp độ tổ chức và thành viên

Tổ chức/nhóm	Loại hoặc quan hệ với Nhà nước	Cấp: Trung ương - Địa phương	Thành viên
1. Các Tổ chức Quần chúng			
Mặt trận Tổ quốc	Chính trị-xã hội	Tất cả	Bảo trợ cho 29 tổ chức
Hội Liên hiệp Phụ nữ	Chính trị-xã hội Mặt trận Tổ quốc	Tất cả	12 triệu[a]
Hội Nông dân	Chính trị-xã hội Mặt trận Tổ quốc	Tất cả	8 triệu[b]
Công đoàn – VGCL	Chính trị-xã hội	Tất cả	4,25 triệu[c]
Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	Chính trị-xã hội Mặt trận Tổ quốc	Tất cả	5,1 triệu[d]
Hội Cựu chiến binh	Chính trị-xã hội Mặt trận Tổ quốc	Tất cả	1,92 triệu[e]
2. Các Cơ quan bảo trợ			
Hội Chữ thập Đỏ	Mặt trận Tổ quốc	Tất cả	4,85 triệu hội viên 3,5 triệu thanh niên và đội viên tiền phong Chữ thập đỏ 14.800 hội chữ thập đỏ xã và phường 12.700 trường học có hội chữ thập đỏ 1.900 văn phòng và doanh nghiệp có hội Chữ thập đỏ[g]
VUSTA – Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	Mặt trận Tổ quốc	Chủ yếu ở các thành phố, một số tổ chức có hoạt động ở nông thôn	Các hội trung ương: 56 ở các chuyên ngành khác nhau Các tỉnh thành: 37 Liên hiệp hội VUSTA tại địa phương với 540 tổ chức thành viên địa phương và 350.000 hội viên. Tổng cộng 1,15 triệu hội viên trên toàn quốc[h]
Các Hội Kinh doanh	Phòng Thương mại thuộc Mặt trận Tổ quốc	Chủ yếu ở thành phố	200 hội 6.700 hội viên[i]
VUALL- Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	Mặt trận Tổ quốc	Chủ yếu ở thành phố	10 hội trung ương và 60 hội cấp tỉnh[j]
Hội Người Cao tuổi	Mặt trận Tổ quốc	Địa phương – toàn quốc	6,4 triệu[k]
VUFU – Liên hiệp các Hội hữu nghị	Mặt trận Tổ quốc	Các thành phố	47 hội thành viên[l]
Liên minh hợp tác xã Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc	Tất cả các cấp, chủ yếu đặt tại khu vực nông thôn	300.000 nhóm hợp tác xã; 17.000 hợp tác xã. Tổng cộng 10,5 triệu thành viên[m]
3. Các Hội nghề nghiệp, các NGO Việt Nam (Khoa học và Công nghệ)			
Các hội nghề nghiệp, các tổ chức kinh doanh và nghề nghiệp (mục này trùng với một số mục khác)	Các Bộ, VUSTA và ủy ban Nhân dân	Các cấp khác nhau	320 trên toàn quốc và 2.150 hội tại địa phương[n]

Các Hội Sinh viên ví dụ "ánh sáng Văn hóa mùa hè" ở Tp.HCM		Các thành phố	khoảng 400.000 tình nguyện viên hàng năm làm việc tình nguyện ở nông thôn vào dịp hè[f]
4. Các NGO Việt Nam			
Các NGO Việt Nam hoặc các tổ chức theo chuyên đề; Các quỹ hỗ trợ người nghèo, tàn tật, ốm đau (mục này trùng với một số mục khác)	VUSTA, các Bộ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh	Ở thành phố, nhưng nhiều trường hợp hoạt động ở nông thôn	322 tổ chức được xác định trong 2000 khảo sát ở Hà Nội và Tp. HCM[o] 200 Quỹ xã hộip 800 Tổ chức Khoa học và Công nghệ[n]
5. Các nhóm không chính thức			
Tín dụng vi mô, các hợp tác xã tín dụng, các nhóm tín dụng và tiết kiệm	Nhiều tổ chức khác nhau; các Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Nông dân đóng góp từ nước ngoài; các ngân hàng	Nông thôn	Khoảng 100.000 hợp tác xã tín dụng[r] 11,6 triệu người vay từ các tất cả các hình thức tín dụng[s]
Các nhóm không chính thức (các hoạt động nông nghiệp, hàng xóm láng giềng, ca múa, thể thao, lễ hội và các dịp kỷ niệm)	Không đăng ký nhưng chính quyền nắm được	Ở các địa phương trên toàn quốc	nhiều triệu – không có số liệu
6. Các tổ chức tín ngưỡng			
Các tổ chức tín ngưỡng	Mặt trận Tổ quốc Một số không đăng ký	Tất cả nhưng chủ yếu ở các tỉnh và địa phương	Đạo Phật: 7 – 9 triệu Thiên chúa giáo: 6 – 8 triệu Hoà Hảo: 1,5 triệu Cao Đài: 1,1 triệu Tin lành: 600.000[q] Hồi Giáo: 90.000[t]
7. Các NGO quốc tế			
Các NGO quốc tế thông qua PACCOM	Được tài trợ từ nước ngoài và hỗ trợ chính phủ và các CSO		530 NGO quốc tế hoạt động tại Việt Nam, 150 có văn phòng[u]

Ghi chú: Xem Annex/ Phụ lục 4
a Hội Liên hiệp Phụ nữ
b Hội Nông dân
c VCGL 2003
d Đoàn thanh niên cộng sản HCM
e Quân đội Nhân dân, ngày 17/3/2005
f Báo Viet Nam News, ngày 10/7/ 2005
g Chu Dũng 2005 h VUSTA
i Stromseth 2003
j Từ thiện (Philantropy) 2001
k BTCường 2005 (2)
l Từ thiện tại Việt Nam 2001
m TTCường 2005
n Nguyễn Ngọc Lâm, Bộ Nội vụ 2005
o Wischermann, NQVinh, BTCường
p Từ thiện (Philantropy) 2001
q Dữ liệu về Dân số 2005
r Báo Viet Nam News, 8/7/ 2005-09-19
s Danida 2005
t Nguyễn Minh Quang 2005
u Danh bạ NGO quốc tế 2003-05, Payne 2004

Bảng này bao gồm các tổ chức đã được xác định. Ngoài ra còn nhiều tổ chức không chính thức nhỏ khác không được đăng ký (xem phần chính của báo cáo).

Phụ lục 6: Tài liệu Tham khảo

ADB (1999), *Nghiên cứu về Các Tổ chức Phi Chính phủ.* Việt Nam. Hà Nội.
Anheier, Helmut K. (2004) *Đo lường, Đánh giá, Chính sách.* London và Sterling VA, CIVICUS và Earthscan.

Banpasirichote Chantana (2005) Những Bài thuyết trình về Xã hội Dân sự và Tương lai của Phong trào Cấp tiến/ Triệt để/ Cực đoan tại Thái Lan. Trong: Lee Hock Guan (2005) *Xã hội Dân sự tại Đông Nam Á.* Singapore, ISEAS

Bùi Thế Cường (2005): Các tổ chức xã hội tại Việt Nam. *Xã hội Dân sự Mới nổi lên*. Trong: Irene Norlund, Đặng Ngọc Dinh, và cộng sự eds. *Đánh giá Ban đầu về Xã hội Dân sự tại Việt Nam.* Hà Nội, CIVICUS, Viện VIDS, UNDP, SNV và Phụ lục 5.

Bùi Thế Cường và Nguyễn Quang Vinh (2001). *Các tổ chức xã hội Việt Nam: Một nghiên cứu ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.* Hà Nội, Viện Xã hội học.

CARE (2005) Báo cáo tại hội thảo về "Sự phát triển của các Nhóm hợp tác nông thôn trong khu vực nông nghiệp và nông thôn - Những vấn đề đặt ra". Thanh Hoá, 8 – 10/6/2005.

Chu Tiến Quang (CIEM) (2005) *Khuôn khổ Chính sách và Pháp lý để phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam*, tài liệu trình bày tại hội thảo của Nhóm Công tác Nhiều thành phần của Nhân dân (PPWG) về "Các Nhóm Hợp tác Nông thôn", Hà Nội ngày 16/9/2005, thông tin tại: <www.un.org.vn/donor/civil.htm>

CIVICUS (2005): *Chỉ số Xã hội Dân sự - Công cụ Đánh giá Ngắn gọn (CSI-SAT). Hướng dẫn cho các cơ quan thực hiện CSI-SAT,* CIVICUS.

Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

Danida (2005) Tài chính vi mô tại Việt Nam và phân tích về những định chế tài chính vi mô được lựa chọn. Trong: *Hỗ trợ nhằm hợp lý hóa khuôn khổ tín dụng tài trợ của Danida tại Việt Nam.* Hà Nội.

Dalton Russell J. (2006) Xã hội Dân sự, Vốn Xã hội và Dân chủ. Trong: R. Dalton và Doh Chull Shin (chủ biên). *Công dân, Dân chủ và Thị trường quanh Vành đai Thái Bình Dương.* Oxford University Press, sắp xuất bản.

Edwards Michael (2004) *Xã hội Dân sự.* Oxford, Polity.

Escobar Arturo (1995) *Đối diện với Phát triển. Những Điều Đã làm được và Chưa làm được của Thế giới thứ ba.* Princeton, Princeton University Press.

Fforde Adam và Doug Porter (1995) *Hàng hoá Công, Chính phủ và Xã hội Dân sự và Hỗ trợ Phát triển tại Việt Nam*, Tài liệu cho Hội thảo cập nhật tình hình Việt Nam, Canberra.

Freedomhouse, thông tin có tại: www.freedomhouse.org.

Chính phủ Việt Nam (2001) *Chiến lược Cải cách Hành chính Công (2001-10).* Hà Nội.

Hannah, Joe (2005) Các Nhân tố của Xã hội Dân sự và Hành động tại Việt Nam: Kết quả thực tiễn ban đầu và Phác họa từ một cuộc tranh luận còn tiếp diễn. Trong: Quỹ Heinrich Böll, *Hướng tới một Xã hội Tốt đẹp. Các Nhân tố Xã hội Dân sự, Chính phủ và Giới Kinh doanh tại Đông Nam Á – Thúc đẩy hay Ngăn trở một Xã hội Công bằng, Dân chủ và Vững mạnh?* Berlin, Quỹ Heinrich Böll.

Helvetas (1996) *Nghiên cứu tại Việt Nam về Bối cảnh hiện nay của các Tổ chức của Việt Nam (VNOs).* Hà Nội và Zurich.

Danh tập các NGO Quốc tế 2003-05 (2004). Hà Nội. Trung tâm Dữ liệu về các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (VUFO-NGO).

Kaldor Mary (2003) *Xã hội Dân sự Toàn cầu. Câu trả lời cho Chiến tranh*. Oxford, Polity Press.

Kerkvliet, Ben J.T., (2001) Một cách tiếp cận để phân tích các mối quan hệ giữa Nhà nước – Xã hội tại Việt Nam. *Sojourn* 16, Oct. 2001.

Kerkvliet, Ben J.T., Russel H.K. Heng và David W.H. Koh (chủ biên) (2003) *Bắt đầu Tổ chức tại Việt Nam. Vận hành xung quanh Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa*. Singapore, Học viện Nghiên cứu Đông Nam Á ISEAS.

Lê Bạch Dương, Khuất Thu Hồng, Bạch Tân Sinh và Nguyễn Thanh Tùng (chủ biên) (2002) *Xã hội Dân sự tại Việt Nam.* Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu các Vấn đề Phát triển Xã hội.

Mark Sidel (1995) Sự nổi lên của khu vực phi lợi nhuận và từ thiện tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong: Tadashi Yomamoto (chủ biên) (1995) *Xã hội Dân sự Mới nổi trong Cộng đồng Châu Á Thái Bình Dương.* Singapore, Học viện Nghiên cứu Đông Nam Á ISEAS.

McElwee, Pamela và đồng sự (2005) *Làm sâu sắc Dân chủ và Tăng cường sự tham gia của công chúng tại Việt Nam. Hà Nội.*

Michael L. Gray (1999) Thiết lập Xã hội Dân sự? Sự nổi lên của các Tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam. Trong: *Phát triển và Đổi thay,* 30:4, tháng 10/1999, trang 693-713.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2006) Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 2006-10, Hà Nội.

Nguyễn Minh Quang (2005) *Các Vấn đề Tôn giáo và Chính sách nhà nước tại Việt Nam.* Hà Nội, Nhà xuất bản Thế giới.

Nguyễn Ngọc Lâm (2005) *Một số nét Khái quát về Tổ chức và Hoạt động của các Tổ chức Phi Chính phủ.* Tài liệu do Viện VIDS gửi tới Ban Nghiên cứu CSI Việt Nam. Hà Nội.

Nguyễn Văn Nghiêm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) (2005) *Các nhóm nông dân tại khu vực nông nghiệp và nông thôn – Những vấn đề còn tồn tại.* Bài thuyết trình bằng Powerpoint, được trình bày tại hội thảo của Nhóm Công tác Nhiều bên của Nhân dân (PPWG) về "Các Nhóm Hợp tác Nông thôn". Hà Nội, 16/9/2005. Thông tin tại: <www.un.org.vn/donor/civil.htm>

Norlund, Irene, Đặng Ngọc Dinh và đồng sự. (2006) *Xã hội Dân sự mới nổi. Đánh giá ban đầu về Xã hội Dân sự tại Việt Nam.* Hà Nội, CIVICUS, Viện VIDS, SNV, UNDP. Có tại: http://www.civicus.org/new/media/CSI_Vietnam_report%20.pdf>

Ban Nội chính của Đảng (2004) *Báo cáo đánh giá 20 năm "Đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng đối với Chính phủ và Xã hội".* Hà Nội.

Payne, David (2004) *10 năm hợp tác giữa Việt Nam và các NGO quốc tế.* Hà Nội, Trung tâm Dữ liệu VUFO-NGO.

Pedersen, Katrine R. (2005) *Thay đổi các mối quan hệ Nhà nước - Xã hội – Nghiên cứu về Luật Xã hội Dân sự trong Thời kỳ Đổi mới của Việt Nam. Hà Nội, tài liệu.*

Phan Văn Khải (2005). Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải phát biểu tại hội thảo về thúc đẩy xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao, tại Hà Nội, ngày 26/7/2005, Thai Press <vnnews-l do Stephen Denney thực hiện> 29/7/2005.

Công tác Từ thiện tại Việt Nam [internet], thông tin tại:
http://www.ansianphilantrophy.org./countries/vietnam/overview.htlm

Putnam, Robert (1993) Phát huy Dân chủ: *Những truyền thống xã hội ở nước ý hiện đại.* Princeton, Princeton University Press.

Putnam, Robert (2000) *Chơi bóng bowling một mình: Sự Sụp đổ và Hồi sinh của Cộng đồng Mỹ.* New York, Simon và Schuster.

Sabharwal, Gita và Trần Thị Thiên Hương (2005) *Xã hội Dân sự tại Việt Nam: Chuyển từ thứ yếu sang chủ đạo.* Hà Nội, DFID.

Salemink, Oscar (2006) Diễn giải, Chuyển đổi và Thực hành Xã hội Dân sự tại Việt Nam: Câu chuyện về những hiểu lầm có tính toán. Trong: David Lewis và David Mosse (chủ biên). *Các nhà hoạt động trung gian và chuyển đổi về Phát triển.* Blomsfields CI, Kumarian Press.

Sidel, Mark và Thaveeporn Vasavakul (2006) *Báo cáo gửi VUSTA về Luật về Hội,* Hà Nội, VUSTA và UNDP.

Stromseth, Jonathan (2003) Các Hiệp hội Kinh doanh trong Quá trình ra quyết định tại Việt Nam. Trong: Kerkvliet, Ben J.T., Russel H.K. Heng và David W.H. Koh (chủ biên) (2003) *Bắt đầu Tổ chức tại Việt Nam. Vận hành xung quanh Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa.* Singapore, Học viện ISEAS.

Tadashi Yomamoto chủ biên (1995) *Xã hội Dân sự mới nổi trong Cộng đồng Châu Á – Thái Bình Dương,* Singapore, Viện ISEAS.

Vasavakul, Thaveeporn và Nguyễn Thái Văn (2006) *Các Nhóm Hợp tác ở Nông thôn Việt Nam: Tài liệu Cơ sở.* Hà Nội.

Báo cáo Phát triển Việt Nam (2004) *Quản trị điều hành.* Báo cáo chung của các nhà tài trợ tại Cuộc họp Nhóm Tư vấn Việt Nam, Hà Nội, 1-2/12/2004.

Volkhart Finn Heinrich & Mahi Khallaf (2006) Đánh giá Xã hội Dân sự tại Đảo Síp và trên thế giới – Chỉ số Xã hội Dân sự. CIVICUS. Thông tin từ: <http://www.civicus.org/new/default.asp> [Truy cập ngày 25/2/2006]

Wischermann, J#rg (2003) Việt Nam trong Thời kỳ Đổi mới. Các Tổ chức theo Chuyên đề và những Mối liên hệ với Chính phủ. Trong: *Điều tra Châu Á*, 43:6.

Điều tra Giá trị Thế giới, có tại: <http://www.worldvaluesurvey.org >
Điều tra Giá trị Thế giới về Việt Nam (2001), tại: http://www.democ.uci.edu/democ/archive/vietnam.htm